

TUẦN 5
TIẾNG VIỆT

BÀI 9: ĐỌC: BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRỨNG (Tiết 29)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Đọc đúng và đọc diễn cảm bài thơ “Bầu trời trong quả trứng”, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật gà con.
- Nhận biết được các sự việc qua lời kể của chú gà con gắn với thời gian, không gian cụ thể; nhận xét được đặc điểm, sự thay đổi của cuộc sống cùng những cảm xúc, nghĩ suy của nhân vật ứng với sự thay đổi của không gian và thời gian.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Mỗi chặng đường cuộc sống có những điều thú vị riêng.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Biết thể hiện sự đồng cảm với niềm vui của những người xung quanh, thân thiện với bạn bè qua cách chuyện trò.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5’)

- GV tổ chức cho học sinh múa hát bài: *Đàn gà con* để khởi động bài học.
- Các con vừa múa hát thật là vui, phải không nào?
- Những chú gà con thật đáng yêu, luôn đi theo mẹ khám phá những điều mới mẻ. Cùng nhau đóng vai nói lời trò chuyện của các chú gà con mới nở với chú gà con ở trong quả trứng qua bài đọc: “Bầu trời trong quả trứng”. – GV yêu cầu HS quan sát tranh, tưởng tượng xem các chú gà con ở ngoài và các chú gà con trong quả trứng đang trò chuyện gì với nhau.
- HS nêu theo suy nghĩ của bản thân. VD: Gà con kể với các bạn thế nào về bầu trời trong quả trứng? Gà con thấy bầu trời và cuộc sống bên ngoài có gì khác với bầu trời và cuộc sống bên trong quả trứng?
- GV lắng nghe và nhận xét.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức (12 - 13)

2.1. Luyện đọc đúng.

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.
- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các lời thoại với ngữ điệu phù hợp.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.
- GV chia đoạn:
 - + Đoạn 1: Từ đầu đến *Cứ việc yên mà ngủ.*
 - + Đoạn 2: *Còn lại*
- GV gọi 2 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
- GV hướng dẫn luyện đọc các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai. VD:
Một bầu trời đã *lầu*
Đó là một màu *nâu*

- GV hướng dẫn luyện đọc câu:

Không có gió / có nắng.

Bồng / thấy nhiều gió lồng

Bồng / thấy nhiều nắng reo

2.2. Luyện đọc diễn cảm.

- GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm ngắt, nghỉ theo nhịp thơ, từng đoạn thơ theo cảm xúc của tác giả: Đoạn 1 đọc với giọng chậm rãi, buồn khổ; đoạn 2 đọc với giọng hào hứng, tươi vui.

- Mời 2 HS đọc nối tiếp các đoạn thơ.

- GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn thơ và nối tiếp nhau cho đến hết).

- GV theo dõi sửa sai.

- Thi đọc diễn cảm trước lớp:

+ GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.

+ GV nhận xét tuyên dương.

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 – 12')

3.1. Tìm hiểu bài:

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...

- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

Câu 1: Gà con kể với các bạn thế nào về bầu trời trong quả trứng?

Trả lời: Trong bài thơ, chú gà con kể với các bạn về 2 giai đoạn trong cuộc sống của mình: lúc còn ở trong quả trứng và lúc bước ra thế giới bên ngoài.

Câu 2: Gà con thấy bầu trời và cuộc sống bên ngoài có gì khác với bầu trời và cuộc sống bên trong quả trứng?

Trả lời: Bầu trời bên trong quả trứng chỉ có một màu nâu, không có gió, không có nắng, không có lắm sắc màu, chỉ có một vòm trời màu nâu như nhau.

Bên trong quả trứng	Bên ngoài quả trứng
- Những thứ không có: + Không có gió có nắng + Không có lắm sắc màu - Những điều chưa biết: + Tôi chưa kêu “chiếp chiếp” + Chẳng biết tìm giun, sâu + Đói, no chẳng biết đâu.... - Những điều thích thú: + Cứ việc yên mà ngủ...	- Những điều thấy lạ lẫm, bất ngờ: + Nhiều gió lồng. + Nhiều nắng reo + Thấy yêu thương, biết là có mẹ. - Những điều mới biết làm: + Đói, tôi tìm giun để... + Ăn no xoaí cánh phoi.. - Những điều thấy thú vị: + Bầu trời ở bên ngoài/ Sao mà xanh đến thế.

=> Bầu trời trong quả trứng: Đơn giản, ít sắc màu (chỉ màu nâu), những tháng ngày bình yên, êm đềm (Cứ việc yên mà ngủ).

=> Bầu trời bên ngoài quả trứng: Có màu xanh kì diệu, chưa từng thấy. Cuộc sống nhiều màu sắc, thanh âm, nhiều cảm xúc, nhiều sự vật. Cuộc sống náo nhiệt, đông vui....

=> GV nhấn mạnh: *Bầu trời ở bên trong quả trứng chỉ có một màu nâu, không có gió, có nắng. Đó là cuộc sống chỉ có một mình, đơn giản, yên ổn, cứ việc yên mà ngủ. Bầu trời và cuộc sống bên ngoài đem đến nhiều cảm xúc cho chú gà con: Ngạc nhiên khi lần đầu tiên nhìn thấy bầu trời bên ngoài “Sao mà xanh đến thế!” Cuộc sống náo nhiệt, và vui nhất là biết được có mẹ, cảm nhận tình yêu thương của mẹ.*

Câu 3: Theo em, gà con thích cuộc sống nào hơn? Vì sao?

- GV có thể hỏi thêm: Liệu có lúc nào chú gà con muốn quay trở về bầu trời trong quả trứng?

Trả lời: *Thảo luận nhóm đôi và chia sẻ câu trả lời của mình.*

Theo em, qua cách gà con cảm nhận, miêu tả về bầu trời bên ngoài và bên trong quả trứng, có thể thấy gà con thích cuộc sống bên ngoài quả trứng hơn. Vì ở đó gà con có mẹ, có thể tìm thức ăn, có thể nhìn thấy cuộc sống, nhìn thấy bầu trời thật xanh.

Câu 4: Đóng vai gà con, kể tiếp những vui buồn của mình từ ngày sống dưới bầu trời xanh theo tưởng tượng của em?

Trả lời: *HS đóng vai chia sẻ cảm nhận của mình.*

HS thảo luận theo nhóm 4, tổng hợp ý kiến và lên sắm vai gà con, kể tiếp câu chuyện về cuộc sống thú vị của mình.

VD: Từ ngày sống dưới bầu trời bên ngoài tôi càng cảm nhận được những điều mới lạ khác xa so với bầu trời màu nâu bên trong lớp vỏ trứng kia. Đầu tiên, tôi cảm nhận được nhiều hơn tình yêu thương vô bờ bến mà mẹ dành cho chúng tôi. Không chỉ vậy, chúng tôi còn được thưởng thức nhiều thức ăn hơn ngoài giun dế là: rau xanh và nhiều loại thức ăn khác. Ngoài ra tôi còn nhận thấy không chỉ có mỗi bầu trời có sắc màu xanh mát mà các sự vật xung quanh tôi cũng rực rỡ sắc màu. Những ngày sống ở bầu trời bên ngoài tôi còn kết bạn được với nhiều loài vật khác như vịt, mèo, lợn,... Đây quả là một cuộc sống đầy thú vị.

Câu 5: Tác giả muốn nói với chúng ta điều gì qua bài thơ? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.

A. Mỗi chặng đường của cuộc sống có những điều thú vị riêng.

B. Ai cũng sẽ khôn lớn, trưởng thành theo thời gian.

C. Cuộc sống có vô vàn điều bất ngờ ở phía trước.

Trả lời: *Tác giả muốn nói với chúng ta: Mỗi chặng đường của cuộc sống có những điều thú vị riêng. Chọn A.*

- GV mời HS nêu nội dung bài – HS nêu nội dung bài.

- GV nhận xét và chốt nội dung bài: **Mỗi chặng đường cuộc sống có những điều thú vị riêng.**

3.2. Luyện đọc diễn cảm – Học thuộc lòng

- GV Hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ

+ Mời HS đọc thuộc lòng cá nhân.

+ Mời HS đọc thuộc lòng theo nhóm bàn.

+ Mời HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh các khổ thơ.

+ Mời HS đọc thuộc lòng trước lớp.

- GV nhận xét, tuyên dương.

4. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để củng cố nội dung bài đọc.

- Nội dung câu hỏi:

Câu 1: Trong bài, ai là người kể lại câu chuyện về "bầu trời trong quả trứng"?

a) Một nhà khoa học

b) Một họa sĩ

c) Người bố

d) Người mẹ

Câu 2: "Bầu trời trong quả trứng" mà người bố nhắc đến là gì?

a) Một bức tranh phong cảnh

b) Một quả trứng gà có hình vẽ bầu trời

c) Lòng đỏ của quả trứng

d) Một món ăn được chế biến từ trứng

Câu 3: Câu chuyện "Bầu trời trong quả trứng" muốn nhắn nhủ điều gì?

a) Hãy ăn nhiều trứng để bổ sung dưỡng chất.

b) Hãy quan sát cuộc sống xung quanh thật tỉ mỉ.

c) Hãy trân trọng những điều giản dị, gần gũi xung quanh ta.

d) Hãy yêu quý và bảo vệ thiên nhiên.

- HS chia sẻ ý kiến của cá nhân qua câu trả lời của mình.

- GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét tiết học, dặn học sinh chuẩn bị bài đọc: Bài 8: Đò ngang.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT

BÀI 9: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: ĐỘNG TỪ (Tiết 30)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Biết động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.

- Tìm được động từ trong các câu tục ngữ và quan sát các sự vật xung quanh.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ; Đặt được câu có chứa động từ phù hợp.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS hát bài: "Hồng đảm đâu".

- YC HS tìm các từ chỉ hoạt động, trạng thái trong bài hát trên.

- HS chia sẻ đáp án của mình.

- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.

- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức: (8 - 10')

Tìm hiểu về động từ

Bài 1: Tìm từ chỉ hoạt động thích hợp với người và vật trong tranh.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- GV yêu cầu HS quan sát thật kĩ tranh và các sự vật trong tranh.

- GV có thể viết lên bảng: cá – bơi; học sinh - cười Và yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4.

- HS thảo luận nhóm 4, nói về những con người và con vật trong tranh, cùng hoạt động tương ứng, lựa chọn từ ngữ thích hợp. Sau đó, đại diện nhóm lên trình bày.
- Người: bạn nam (trên cùng, bên trái) – vậy; các bạn – cười, nói; bạn nữ - đi, bạn ở sau cùng – chạy.
- Con vật: chuồn chuồn – đậu, bay; cá – bơi; chim – hót...
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.

Bài 2. Các từ in đậm trong đoạn thơ dưới đây có điểm gì chung?

Trời xanh mà tôi **yêu**

Trời xanh ấy mang theo

Cả nỗi lo nỗi sợ:

Tôi **lo** bão **lo** gió

Tôi **sợ** cắt **sợ** diều

Thoáng bóng nó nơi nào

Tôi nấp ngay cánh mẹ...

(Xuân Quỳnh)

- GV giải thích: Đó đều là những động từ chỉ trạng thái cảm xúc.
- Qua 2 bài tập HS đã thực hiện, GV gợi ý cho HS đưa ra ghi nhớ: **Động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.**
- GV có thể mời 1 vài HS nêu 1 số động từ và nhận xét.

3. Hoạt động luyện tập thực hành: (13 - 15')

HS hoàn thành bài tập trong vở bài tập Tiếng Việt GV kết hợp chấm chữa bài.

Bài 3. Tìm động từ trong các câu tục ngữ.

- GV mời HS đọc yêu cầu của bài.

Tìm động từ trong các câu tục ngữ dưới đây:

- a. Yêu trẻ, trẻ đến nhà. b. Thương người như thể thương thân.
c. Uống nước nhớ nguồn. d. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

- GV mời 1 vài HS nêu ý hiểu của mình về các câu tục ngữ trên.
- GV bổ sung, giải thích nếu cần.
- GV hướng dẫn HS viết các động từ tìm được theo 2 nhóm: Động từ chỉ hoạt động và động từ chỉ cảm xúc.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài tập 4: Dựa vào tranh của BT1, đặt câu có chứa 1 – 2 động từ.

- GV mời HS đọc yêu cầu của bài.
 - GV mời HS đọc câu.
 - GV nhắc nhở 1 số lỗi sai thường mắc (nếu có) và yêu cầu HS làm bài vào vở.
- VD:

- Các bạn học sinh đi học.
- Chú chuồn chuồn đậu trên bông hoa.
- GV thu vở chấm một số bài, nhận xét, sửa sai và tuyên dương học sinh.
- GV nhận xét, tuyên dương chung.

4. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.
- + GV chuẩn bị một số từ ngữ trong đó có danh từ và các từ khác như động từ, tính từ để lẫn lộn trong hộp.

- + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)
- + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ ngữ nào là danh từ (chỉ người, vật,...) có trong hộp đưa lên dán trên bảng. Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc.
- HS chơi trò chơi.
- GV và HS nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)
- GV nhận xét tiết dạy.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT

BÀI 9: VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN THUẬT LẠI MỘT SỰ VIỆC (Tiết 31)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Biết được cách viết bài văn thuật lại một sự việc (cấu tạo bài văn, cách thuật lại các hoạt động theo trình tự,).
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết thuật lại với người thân, bạn bè về một sự việc.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS múa hát bài: *Em đi chơi thuyền* để dẫn dắt vào bài học.
- GV hỏi: Ở bài hát này, bạn nhỏ được đi đâu và làm gì?
- HS làm việc nhóm đôi thảo luận về câu hỏi.
- HS chia sẻ đáp án của mình.
- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

3. Hoạt động luyện tập thực hành: (23 - 25')

HS hoàn thành bài tập trong vở bài tập Tiếng Việt GV kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1. Đọc bài văn dưới đây và trả lời câu hỏi:

- a. Bài văn trên có mấy phần? Đó là những phần nào?
- b. Phần mở bài giới thiệu những gì?
- c. Phần thân bài gồm mấy đoạn? Ý chính của mỗi đoạn là gì?
- d. Nêu những hoạt động được thuật lại ở thân bài theo đúng trình tự.
- e. Những từ ngữ nào giúp em nhận biết các hoạt động được thuật lại theo trình tự?
- g. Phần kết bài chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc gì về kết quả của hoạt động?

- GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu.

- GV 1 HS trả lời câu hỏi

- a. Học sinh chia sẻ câu trả lời của mình, GV lắng nghe, HS nhận xét sau đấy chốt lại đáp án.

- Bài văn trên gồm 3 phần:

+ Mở bài: Trong buổi sinh hoạt lớp chiều nay, lớp tôi tổ chức lễ phát động xây dựng thư viện lớp.

+ Thân bài: Trước giờ sinh hoạt tủ sách của lớp.

+ Kết bài: Buổi sinh hoạt lớp kết thúc. Cô giáo và lớp tôi vui lắm. Sắp tới, chúng tôi sẽ tha hồ đọc sách, đọc truyện ngay tại lớp mình.

- 1 HS đọc đoạn mở bài, nêu nội dung.

VD: Phần mở bài giới thiệu địa điểm, thời gian tổ chức lễ phát động xây dựng thư viện lớp 4B.

- HS thảo luận nhóm 2.

- Phần thân bài gồm 4 đoạn. Ý chính của mỗi đoạn là:

+ Đoạn 1: Các hoạt động chuẩn bị

+ Đoạn 2: Phát biểu khai mạc của cô chủ nhiệm.

+ Đoạn 3: Lớp trưởng phát động phong trào và thảo luận về cách thức thực hiện.

+ Đoạn 4: Phân công nhiệm vụ.

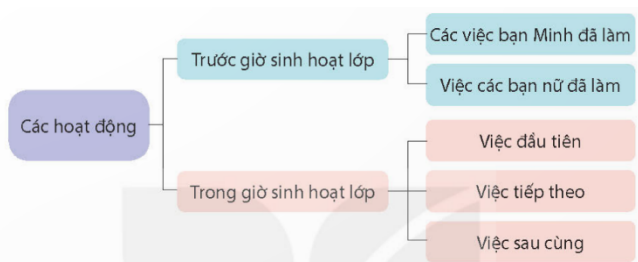
- Đại diện các nhóm trình bày; Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung nếu cần.

- GV nêu: Những hoạt động được nêu ở thân bài đã theo đúng trình tự. GV giới thiệu gợi ý. Mời HS làm việc theo nhóm 4, viết vào phiếu học tập dựa vào gợi ý các hoạt động đó.

- Một số nhóm trình bày trước lớp.

- Các nhóm nhận xét, bổ sung.

Các hoạt động	Nội dung hoạt động
Trước giờ sinh hoạt lớp	<ul style="list-style-type: none"> Bạn Minh viết và vẽ trang trí trên bảng lớp: Dòng chữ: <i>Chung tay xây dựng Thư viện lớp 4B.</i> Những hình ảnh ngộ nghĩnh: chủ gà con đội trên đầu một mảnh vỏ trứng, chủ dê mèn bước ra từ cuốn truyện, những cuốn sách mở rộng như sail cánh bay,... Các bạn nữ chuẩn bị bàn chủ tọa: Phủ khăn trải bàn Đặt lọ hoa rực rỡ lên bàn.
Trong giờ sinh hoạt lớp	<ul style="list-style-type: none"> <i>Đầu tiên:</i> Cô chủ nhiệm phát biểu khai mạc (về tầm quan trọng của sách, ý nghĩa của việc đọc sách, vì sao cần có một thư viện của lớp). <i>Tiếp theo:</i> Ban lớp trưởng phát động phong trào <i>Chung tay xây dựng thư viện lớp</i>; cả lớp thảo luận, đưa ra các hình thức ủng hộ, đóng góp sách báo,... <i>Sau cùng:</i> Ban lớp phó thông báo thời gian mang sách báo đến góp; nhiệm vụ của các tổ trưởng trong việc tập hợp và ghi tên sách các bạn trong tổ đóng góp.



- GV

nhận xét chung

- GV hỏi: Những từ ngữ nào giúp em nhận biết được các hoạt động đó được thuật lại theo trình tự?

- GV yêu cầu HS gạch chân lưu ý những từ ngữ đó.

- GV hỏi: Còn phần kết bài chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc gì về kết quả hoạt động?

- GV nhận xét, bổ sung nếu cần.

Qua bài tập 1, các con đã được làm quen với cách viết bài văn thuật lại một sự việc.

Khi viết bài văn đó chúng ta cần phải lưu ý những gì? Hãy cùng tìm hiểu ở bài tập tiếp theo.

Bài 2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia.

- GV gợi ý: Có thể lưu ý về:

+ Bố cục của bài viết (mở bài, thân bài, kết bài).

+ Cách sắp xếp các hoạt động.

+ Cách bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc về sự việc.

- GV cho HS thảo luận nhóm 4.

- HS thảo luận nhóm 4, viết kết quả ra bảng nhóm.

- Bài văn thuật lại một sự việc thường gồm 3 phần:

+ Mở bài: Giới thiệu sự việc được chứng kiến hoặc tham gia.

+ Thân bài: Thuật lại các hoạt động, việc làm chính theo trình tự thời gian hoặc phạm vi không gian bằng một hoặc nhiều đoạn văn.

+ Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc về sự việc được chứng kiến hoặc tham gia.

- Các hoạt động được sắp xếp theo thứ tự thời gian.

- GV nhận xét, kết luận.
- GV mời HS nêu ghi nhớ của bài.
- + **Bài văn thuật lại một sự việc thường gồm 3 phần:**
- **Mở bài:** Giới thiệu sự việc được chứng kiến hoặc tham gia.
- **Thân bài:** Thuật lại các hoạt động, việc làm chính theo trình tự thời gian hoặc phạm vi không gian bằng một hoặc nhiều đoạn văn.
- **Kết bài:** Nêu suy nghĩ, cảm xúc về sự việc được chứng kiến hoặc tham gia.
- GV nhận xét chung.
- * **Ghi lại trình tự các hoạt động trong buổi sinh hoạt lớp của lớp em.**
- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập.
- GV có thể hướng dẫn HS nêu 1 số hoạt động trong buổi SHL, gợi ý HS sắp xếp theo trình tự đúng.
- GV nhận xét, tuyên dương
- 3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')**
- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh ai đúng”.
- + GV chuẩn bị một đoạn văn thuật lại chuyến dã ngoại trải nghiệm mà lớp vừa tham gia. Các câu văn trong đoạn sắp xếp lộn xộn.
- + Chia lớp thành 4 đội (tùy số lượng HS)
- + Giao cho mỗi đội các câu văn đã được tách ra. Nhiệm vụ của mỗi đội là đính các câu văn thành đoạn văn hoàn chỉnh. Đội nào nhanh nhất sẽ chiến thắng.
- HS chơi trò chơi và chia sẻ câu trả lời của mình.
- GV nhận xét, tuyên dương những học sinh tìm nhanh theo YC trò chơi.
- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.
- IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)**

TIẾNG VIỆT

BÀI 10: ĐỌC: TIẾNG NÓI CỦA CỎ CÂY (Tiết 32 + 33)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Tiếng nói của cỏ cây*.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời đối thoại giữa các nhân vật, nhấn giọng đúng từ ngữ. Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật qua giọng đọc.
- Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể; nhận xét được đặc điểm, sự thay đổi của sự vật theo thời gian và cảm xúc, suy nghĩ, bản khoăn của nhân vật trước sự thay đổi.
- Biết dựa vào nội dung câu chuyện để tập lí giải/ giải thích sự thay đổi của nhân vật.
- Có ý thức quan sát, tìm hiểu thế giới xung quanh; ham học hỏi, có mong muốn mở mang hiểu biết và chia sẻ hiểu biết của mình với người thân và bạn bè.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ, giao tiếp.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Ai nhanh ai đúng:

Nội dung trò chơi:

Câu 1: Việc nào sau đây KHÔNG phải là cách chăm sóc cây cỏ?

- a) Tưới nước cho cây.
- b) Bể cạnh, ngắt lá cây.**
- c) Nhổ cỏ cho cây.
- d) Bón phân cho cây.

Câu 2: Chúng ta nên tưới nước cho cây vào thời điểm nào trong ngày là tốt nhất?

- a) Buổi trưa nắng gắt.
- b) Buổi sáng sớm hoặc chiều mát.**
- c) Bất cứ khi nào thấy đất khô.
- d) Chỉ tưới khi trời mưa nhỏ.

Câu 3: Vì sao chúng ta cần phải nhổ cỏ cho cây?

- a) Để cây thêm đẹp.
 - b) Để cỏ không tranh giành chất dinh dưỡng của cây.**
 - c) Để tập thể dục buổi sáng.
 - d) Để làm phân bón cho cây.
- HS chia sẻ ý kiến của mình.
 - GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức (20 - 25)

2.1. Luyện đọc đúng.

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm nhấn giọng ở những từ ngữ tình tiết bất ngờ hoặc những từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.
- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.
- GV chia đoạn: 3 đoạn theo thứ tự:
 - + Đoạn 1: từ đầu đến *trồng cạnh cây hoa hồng*.
 - + Đoạn 2: tiếp theo đến *trong truyện cổ tích*.
 - + Đoạn 3: đoạn còn lại.
- GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *chưa hài lòng, ló rạng, nàng tiên trong truyện cổ tích, ...*
- GV mời 1 HS đọc phần giải nghĩa từ
 - + Búng (cây) : đào cây cùng bầu đất xung quanh rễ để chuyển đi trồng nơi khác.
 - + Mơ hồ: không rõ ràng, không xác thực.
- GV hướng dẫn luyện đọc câu:
Thấy khóm hoa hồng bạch có vẻ chật chỗ,/ cô bé liền búng một cây nhỏ nhất/ trồng vào chỗ đất trống dưới cửa sổ; Ngắm nghía một hồi,/ cảm thấy chưa hài lòng,/ cô đến bên khóm huệ,/ chọn một cây/ đem trồng cạnh cây hoa hồng....
- GV mời học sinh luyện đọc theo nhóm 2.
- GV nhận xét sửa sai.

2.2. HS luyện đọc diễn cảm:

- GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm toàn bài, nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc như: *Kì lạ thay, trội, trắng muốt, đẹp như một nàng tiên, ...*
- Đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc nhân vật: *Ô kìa! Bụi hoa hồng được chuyển chỗ mới đẹp làm sao!*

- Mời 3 HS đọc diễn cảm nối tiếp đoạn.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết).
- GV theo dõi sửa sai.
- Thi đọc diễn cảm trước lớp:
- + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.
- + GV nhận xét tuyên dương.

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (30 – 35')

3.1. Tìm hiểu bài:

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...
- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

Câu 1: Chi tiết nào cho thấy Ta-nhi-a cảm thấy thoải mái trong những ngày hè ở nhà ông bà?

Trả lời: *Chi tiết cho thấy Ta-nhi-a cảm thấy thoải mái trong những ngày hè ở nhà ông bà: Ta-nhi-a được thỏa thích chạy nhảy trong vườn, được ngắm vườn hoa và có thể tự ý trồng cây, chuyển cây theo ý của mình.*

Câu 2: Nêu công việc Ta-nhi-a đã làm trong vườn nhà ông bà theo các ý sau: Việc đã làm -> Lí do.

(Gv có thể gợi ý HS trả lời bằng chia nhỏ câu hỏi: Ta-nhi-a đã làm gì? Vì sao cô bé làm những việc đó?

Trả lời:

<i>Việc đã làm</i>	<i>Lí do</i>
- Bứng một cây nhỏ nhất trồng vào chỗ đất trống dưới cửa sổ.	- Thấy khóm hoa hồng bạch có vẻ chật chỗ.
- Chọn một khóm huệ đem trồng cạnh cây hoa hồng.	- Ngắm nghía một hồi, cảm thấy chưa hài lòng.

Câu 3: Nhờ việc làm của Ta-nhi-a, cây hồng và cây huệ, huệ nở hoa đẹp như thế nào?

Trả lời: *Nhờ việc làm của Ta-nhi-a, cây hồng nở ra những bông hoa màu trắng dịu, cánh hoa trong suốt lung linh. Hoa nở nhiều đến nỗi cả bụi như phủ đầy tuyết trắng. Và cây hoa huệ cũng đẹp trội hơn hẳn những cây mà nó sống cạnh trước kia. Những bông huệ trắng muốt, đẹp như một nàng tiên trong truyện cổ tích.*

Câu 4: Trong câu chuyện, Ta-nhi-a đã suy đoán nguyên nhân biến đổi của cây hồng và cây huệ là gì?

Trả lời: *Trong câu chuyện, Ta-nhi-a đã suy đoán nguyên nhân biến đổi của cây hồng và hoa huệ là chỗ ở mới của chúng thoáng hơn, không bị rễ của cây khác tranh chất màu dưới đất.*

Câu 5: Theo em, Ta-nhi-a đã có thêm những trải nghiệm gì trong mùa hè?

Trả lời: *HS trả lời theo ý hiểu của mình, các câu trả lời có thể khác nhau. VD: Theo em, Ta-nhi-a đã có thêm những trải nghiệm trồng hoa và những kiến thức mới trong cách chăm sóc cây trồng để cây có thể sinh trưởng tốt nhất.*

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.
- GV mời HS nêu nội dung bài – HS nêu nội dung bài.

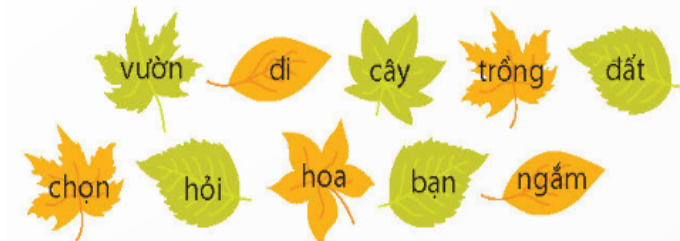
- GV nhận xét và chốt nội dung bài: ***Văn bản đề cập đến sự thay đổi của khóm hoa hồng khi được Ta-nhi-a di chuyển đến một vị trí khác. Mỗi loài cây đều cần một sự chăm sóc phù hợp để có thể trở nên tươi tốt nhất.***

3.2. Luyện đọc diễn cảm:

- GV Hướng dẫn lại cách đọc diễn cảm và đưa ra tiêu chí đọc để HS nhận xét.
- Mời một số học sinh đọc nối tiếp.
- GV nhận xét, tuyên dương.

3.3. Luyện tập theo văn bản đọc:

Bài 1: . GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1: Xếp các từ dưới đây vào nhóm thích hợp:



- HS làm việc theo nhóm đôi, sắp xếp các từ vào các nhóm từ: danh từ, động từ.
- Mời đại diện các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét chung, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

Bài 2: Đóng vai cây hoa hồng hoặc cây hoa huệ trong câu chuyện Tiếng nói của cỏ cây, đặt câu nêu cảm xúc của cây khi trở nên đẹp hơn trước. Tìm động từ chỉ cảm xúc trong câu em đặt.

- GV mời cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở.
- Mời một số HS trình bày kết quả (hoặc thu vở chấm một số em)
- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

4. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để củng cố nội dung bài đọc.
- Nội dung trò chơi:

Câu 1: Cỏ cây đã tự ví mình với gì?

- Những người bạn nhỏ.
- Những đứa con bé bỏng.**
- Những mầm xanh dũng cảm.
- Những chiến sĩ tí hon.

Câu 2: Cỏ cây muốn nhắn nhủ điều gì với con người qua bài thơ?

- Hãy bảo vệ cây cối để có bóng mát.
- Hãy trồng thật nhiều cây xanh cho đẹp.
- Hãy yêu thương, chăm sóc và bảo vệ cây xanh.**
- Hãy tưới nước cho cây mỗi ngày.

Câu 3: Bài thơ muốn gửi gắm thông điệp gì cho chúng ta?

- Cây cối rất quan trọng với con người.
- Cần phải bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp.
- Hãy biết yêu thương, trân trọng thiên nhiên, cỏ cây cũng như muôn loài.**
- Tất cả các đáp án trên.

- HS chia sẻ ý kiến của cá nhân qua câu trả lời của mình.

- GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét tiết học, dặn học sinh chuẩn bị bài đọc: Bài 11: Tập làm văn

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT**BÀI 10: VIẾT: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN THUẬT LẠI MỘT SỰ VIỆC
(Tiết 34)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Lập được dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc theo đúng yêu cầu của kiểu bài.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết quan sát, tìm hiểu về thế giới xung quanh.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')**

- GV YC HS trả lời câu hỏi để củng cố kiến thức:

Nội dung câu hỏi:

Câu 1: Khi muốn lập dàn ý cho một sự việc, chúng ta cần chú ý điều gì?

- a) Chỉ cần ghi lại những ý chính mình muốn kể.
- b) **Sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lý, dễ hiểu.**
- c) Ghi càng nhiều chi tiết càng tốt.
- d) Không cần trình bày rõ ràng, mạch lạc.

Câu 2: Thông thường, dàn ý cho một sự việc được chia thành mấy phần?

- a) 2 phần: Mở bài và Kết bài.
- b) **3 phần: Mở bài, Thân bài và Kết bài.**
- c) 4 phần: Mở bài, Thân bài 1, Thân bài 2, Kết bài.
- d) Có thể chia thành nhiều phần tùy ý.

Câu 3: Phần nào trong dàn ý là quan trọng nhất để người đọc nắm được nội dung câu chuyện?

- a) Mở bài.
- b) **Thân bài.**
- c) Kết bài.
- d) Cả 3 phần đều quan trọng như nhau.

- HS chia sẻ câu trả lời của mình.
- GV nhận xét câu trả lời, lưu ý học sinh trả lời đầy đủ câu.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành: (20 – 25')**a. Chuẩn bị:**

- GV tổ chức cho HS chia sẻ về những hoạt động trải nghiệm đã được tham gia, hướng HS đến hoạt động trải nghiệm ý nghĩa nhất trong số đó.
- GV mời 1 vài HS trình bày cụ thể về hoạt động của mình đã lựa chọn.
- Khi HS trình bày, GV kết hợp giúp HS liệt kê các việc đã làm và sắp xếp trình tự hợp lý.

b. Lập dàn ý:

- Dựa vào nội dung HS đã phát biểu, chuẩn bị, GV hướng dẫn cho HS lập dàn ý.



- GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 2, đọc lại dàn ý mà mình đã viết cho bạn, cùng nhau góp ý theo:

+ Cách mở bài, kết bài.

+ Trình tự thuật việc (mở đầu – diễn biến – kết thúc).

- Mời cả lớp nhận xét nhận xét. GV nhận xét chung và chốt nội dung.

- GV nhận xét chung.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai tinh mắt”.

+ GV chuẩn bị một vài câu thuật lại về hoạt động đã trải qua, tuy nhiên câu có lỗi về ngữ pháp hoặc nội dung. (VD: Câu thiếu dấu phẩy, câu dùng từ chưa hợp lí). Yêu cầu HS phát hiện thật nhanh lỗi của câu.

+ Chia lớp nhiều nhóm (tùy số lượng HS)

- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT

BÀI 10: NÓI VÀ NGHE: TRẢI NGHIỆM ĐÁNG NHỚ (Tiết 35)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Biết nói trước nhóm, trước lớp về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV YC học sinh vận động theo nhạc: Bé đi tham quan.
- HS làm việc nhóm đôi thảo luận về câu hỏi.
- + Đố các em bài hát nói về điều gì?
- HS chia sẻ đáp án của mình.
- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: (20 – 25 ')

2.1. Nói:

- GV hướng dẫn HS sử dụng dàn ý đã lập ở hoạt động Viết, thuật lại trải nghiệm theo yêu cầu của đề bài.
- + GV mời 2 HS nói.
- GV mời học sinh làm việc cá nhân, mỗi HS tự viết ra giấy 3 điểm nổi bật của bản thân, sau đó tềng em đọc trước lớp.
- 1 vài HS khác bổ sung (Có thể đã cùng trải qua hoạt động đó với bạn, hoặc cũng đã từng tham gia hoạt động tương tự), chia sẻ những việc mà mình đã làm trong hoạt động đó.
- Cả lớp nhận xét, phát biểu.

2.2. Trao đổi, góp ý

- GV mời cả lớp trao đổi, góp ý cho những bạn vừa trình bày về:
 - + Hoạt động được giới thiệu rõ thời gian, địa điểm, những người tham gia.
 - + Nội dung hoạt động được thuật lại theo đúng trình tự.
 - + Suy nghĩ, cảm xúc của người nói được thể hiện qua lời nói, giọng nói, cử chỉ, điệu bộ,...
- GV mời các HS khác trình bày.
- Giáo viên nhận xét chung, tuyên dương

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức cho HS thực hành làm một hoạt động thủ công để giúp HS có thêm 1 trải nghiệm đáng nhớ khác. (VD: Tự gấp 1 bó hoa bằng giấy)
- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

TIẾNG VIỆT CÙNG CÔ

LUYỆN TỪ VÀ CÂU: ĐỘNG TỪ (Tiết 9)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức: Tìm và nhận biết động từ, sắp xếp động từ theo nhóm chỉ hoạt động, chỉ trạng thái.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng; Phiếu BT

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “ Ai nhanh hơn”
- Nội dung trò chơi:

Câu 1: Động từ là những từ ngữ dùng để làm gì?

- Để gọi tên người, sự vật, con vật, cây cối.
- Để chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật.
- Để chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.**
- Để thay thế cho danh từ trong câu.

Câu 2: Trong câu "Mẹ em **đang nấu ăn** rất ngon.", từ ngữ nào là động từ?

- Mẹ
- Em

c) **Đang nấu ăn**

d) Rất ngon

Câu 3: Hãy chọn câu văn có chứa động từ chỉ trạng thái:

a) Bé An đang tập vẽ con mèo.

b) Các bạn học sinh đang chơi đá bóng.

c) **Bông hoa hồng trong vườn tỏa hương thơm ngát.**

d) Chiếc xe đạp của bạn Nam màu xanh rất đẹp.

- HS chơi trò chơi và đưa ra đáp án.

- GV nhận xét, tuyên dương HS viết đúng.

- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động luyện tập, thực hành (23 - 25)

Hoạt động 1: GV giao cho HS làm bài.

- GV đưa ra yêu cầu: HS đọc phiếu, quan sát yêu cầu của phiếu BT và hoàn thành bài.

- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.

- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài chia sẻ kết quả bài làm của mình.

Bài 1: Tìm các động từ trong bài thơ Vườn quê.

- GV gọi 1 hs nêu yêu cầu.

- GV cho HS làm việc cá nhân

- Gọi HS đọc bài làm – Chia sẻ kết quả bài làm của mình.

- GV nhận xét, chốt kết quả.

- HS, GV lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến. GV chốt đáp án đúng: *Trẩy, cho, trở, trồng, bó, ngả dất, đi, chỉ, ngả, đậu, nhớ.*

→ GV chốt thế nào là động từ

Bài 2: Đọc lại bài Cây sồi và cây sậy, cho biết: Dòng nào dưới đây chỉ gồm hoạt động, trạng thái?

A. mọc, nhìn, thổi, đỗ, trôi, phát hiện, đứng, ngạc nhiên, hỏi

B. mọc, sừng sững, nhìn, thổi, đỗ, phát hiện, đứng, ngạc nhiên, hỏi

C. mọc, nhìn, cuồn phong thổi, đỗ, trôi đứng, ngạc nhiên, hỏi

- HS nêu yêu cầu bài tập.

- HS làm bài cá nhân vào vở.

- HS chia sẻ đáp án của cá nhân.

- HS, GV lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

- GV chốt đáp án đúng: Chọn đáp án B. mọc, sừng sững, nhìn, thổi, đỗ, phát hiện, đứng, ngạc nhiên, hỏi

Bài 3: Chép lại các động từ có trong các đoạn thơ sau và xếp vào từng nhóm.

- *Động từ chỉ hoạt động:*

- *Động từ chỉ trạng thái:*

- GV gọi 1 hs nêu yêu cầu.

- GV cho HS làm việc cá nhân

- Gọi HS đọc bài làm và chia sẻ đáp án cá nhân.

- GV chốt đáp án đúng: + Động từ chỉ hoạt động: rải, thấp, lên, công, tưới, khiêng, đi, vác lên, chăm, trồng.

+ Động từ chỉ trạng thái: rì rào, bận, vội vã

Bài 4: Với mỗi động từ dưới đây đặt một câu tả trên đường về quê.**- rì rào:****- vội vã:**

- GV gọi 1 hs nêu yêu cầu.

- GV cho HS làm việc cá nhân

- Gọi HS đọc bài làm

- Gọi HSNX

- GV nhận xét, chốt kết quả:

+ Bên bờ sông, lũy tre xanh **rì rào**.+ Trên đường phố, lưu thông xe cộ tăng lên. Tiếng còi xe vang lên **vội vã**. Mọi người háo hức trở về nhà nhanh chóng để tránh cái nắng gay gắt.➔ GV nhắc nhở HS chú ý cách viết câu, dấu câu phù hợp gợi ý Hs viết câu theo mẫu :
Trạng ngữ - ở đâu, lúc nào... + Chủ ngữ + vị ngữ (thái độ của người là chủ ngữ, kết quả của việc làm – vị ngữ)**3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')**

- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để củng cố nội dung bài đọc.

Nội dung trò chơi: Nối các từ chỉ sự vật với các từ chỉ hoạt động phù hợp.

Học sinh
Chuồn chuồn
Cá
Hoa
Nước

Bơi
Nở
Đi học
Chảy
bay

Các từ “yêu”, “ lo”, “ sợ” có điểm gì chung?

A. Đều là từ chỉ hoạt động

B., Đều chỉ trạng thái

C. Đều chỉ người, vật

D. đều chỉ hiện tượng tự nhiên

- HS chia sẻ ý kiến của cá nhân qua câu trả lời của mình và xếp vào nhóm thích hợp.

- GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét tiết học và dặn học sinh ôn tập về kiến thức: động từ

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**TIẾNG VIỆT CÙNG CÔ****VIẾT: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN THUẬT LẠI MỘT SỰ VIỆC (Tiết 10)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Tìm được ý và viết hoàn chỉnh bài văn theo yêu cầu

- Hình thành và phát triển kỹ năng viết câu chủ đề đoạn, bài văn và dùng từ có biện pháp nghệ thuật nhân hóa, so sánh khi viết.

- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng; Phiếu BT

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')**

- GV tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức cần ghi nhớ.

- Nội dung trò chơi: YC học sinh đặt câu theo cách trả lời 5 câu hỏi:

+ Ai?

- + Đang làm gì?
- + Ở đâu?
- + Khi nào?
- + Vì sao?
- HS trả lời câu hỏi và đặt câu theo yêu cầu của GV.
- GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời câu hỏi, GV lưu ý HS đảo vị trí các câu trả lời để tạo thành nhiều câu hơn.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động luyện tập, thực hành (23 - 25)

Hoạt động 1: GV giao cho HS làm bài.

- GV đưa ra yêu cầu:

Hoạt động 2: Chữa bài:

a. Tìm ý

- Quê nội (hoặc quê ngoại) em ở đâu?
- Em về quê khi nào? Buổi sáng hay buổi chiều? Em đi cùng với ai, bằng phương tiện gì? Thời tiết hôm đó thế nào? Cảm nhận của em ra sao?
- Em thích những gì ở quê? Em nhớ nhất điều gì mỗi lần về quê?
- Gọi 1 HS đọc YC
- YC HS làm việc cá nhân
- Mời HS trình bày.
- Mời các HS nhận xét, bổ sung.
- Nhận xét, chốt đáp án:

VD: Quê em ở Huế.

+ Em về quê vào dịp Tết và khi nhà có giỗ. Em đi xe khách cùng gia đình để về quê. Thời tiết hôm đó rất mát mẻ. Em rất vui khi được cùng bố mẹ về quê.

+ Em thích đi dạo trên phố Huế, vào nhà sách,..

Em nhớ nhất những món ngon mà bà và dì đã làm cho gia đình em.

b. Từ kết quả tìm ý ở trên, viết hoàn chỉnh bài văn thuật lại một lần em được về thăm quê.

- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập 2
- YC HS làm việc cá nhân
- Mời 1 số HS đọc bài làm
- Mời HS khác nhận xét.
- GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung
- Một số HS trình bày kết quả.

Gia đình em sống ở Hà Nội, nhưng mẹ em vốn là người miền Trung, gốc Huế. Mỗi năm gia đình em chỉ về thăm quê một đến hai lần, nhưng lần nào về quê cũng rất vui.

Em còn nhớ đó là năm lớp 4, nhân dịp Giỗ ông cố ngoại, mẹ và em sắp xếp vào thăm quê. Em và mẹ đi xe khách hơn 6 tiếng đồng hồ mới tới Huế, dù rất mệt nhưng sự chào đón của mọi người khiến cả em và mẹ đều quên đi sự mệt mỏi lúc ấy.

Mọi người cùng nhau dọn bữa cơm họp mặt, trò chuyện sau thời gian không gặp gỡ. Đó là những câu chuyện về người bà con xa, về bác hàng xóm gần và cả những câu chuyện về dự định tương lai của các cháu trong gia đình.

Sau bữa ăn, em cùng mẹ đi dạo phố. Huế cũng như mọi lần em về, trầm tư như mang một nỗi niềm gì đó. Những hàng cây bắt đầu rụng lá vàng, rải trên những con

đường thứ màu sắc mê hoặc lòng người. Cầu Tràng Tiền tư lự bên dòng sông Hương chiều cuối thu êm đềm, thanh thoi. Dòng sông lúc này đây như một cô gái Huế vậy, đầy dịu dàng, đầm thắm và e ấp, những gợn sóng lăn tăn vỗ nhẹ vào bờ càng khiến người ta mong chờ, khắc khoải một điều gì đó không rõ. Em và mẹ ghé vào nhà sách Phú Xuân, mọi người rất đông nhưng lạ thay không một tiếng ồn, thỉnh thoảng chỉ nghe vài âm thanh bé xíu từ tiếng trang sách được lật mà thôi. Điều ấn tượng lúc này có lẽ là sự tế nhị và văn minh con người quê hương mình. Em và mẹ trở về nhà ngoại lúc trời cũng bắt đầu tối. Bữa cơm tối đã dọn sẵn, những món ngon ưa thích của em và mẹ đều được bà và dì Năm làm như một món quà cho mẹ con em. Sau đó mọi người cùng nhau xem ti vi đầy ấm áp, em sà vào lòng bà nắm lấy đôi tay gầy guộc của bà và thấy thương bà nhiều lắm. Em bảo với bà: "Bà ơi, ít bữa bà ra Hà Nội chơi với cháu nghe bà". ...
Tạm biệt xứ Huế thương yêu mà lòng tôi không nỡ, đành chấp nhận chia xa hẹn ngày gặp gỡ, ngày được gặp lại ngoại và những người thân yêu.

3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để củng cố nội dung bài đọc.

Câu 1: Khi muốn lập dàn ý cho một sự việc, chúng ta cần chú ý điều gì?

- Chỉ cần ghi lại những ý chính mình muốn kể.
- Sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lý, dễ hiểu.
- Ghi càng nhiều chi tiết càng tốt.
- Không cần trình bày rõ ràng, mạch lạc.

Câu 2: Thông thường, dàn ý cho một sự việc được chia thành mấy phần?

- 2 phần: Mở bài và Kết bài.
- 3 phần: Mở bài, Thân bài và Kết bài.
- 4 phần: Mở bài, Thân bài 1, Thân bài 2, Kết bài.
- Có thể chia thành nhiều phần tùy ý.

Câu 3: Phần nào trong dàn ý là quan trọng nhất để người đọc nắm được nội dung câu chuyện?

- Mở bài.
- Thân bài.
- Kết bài.
- Cả 3 phần đều quan trọng như nhau.

- HS chia sẻ ý kiến của cá nhân qua câu trả lời của mình.

- GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét tiết học và dặn học sinh ôn tập về kiến thức để viết bài thuật lại một sự việc.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

CHỦ ĐỀ 3: SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

BÀI 10: SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ. SỐ 1 000 000 (Tiết 21)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Đọc, viết được các số trong phạm vi 1 000 000
- Nhận biết được các số tròn trăm nghìn
- Nhận biết được cấu tạo thập phân của một số

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS chơi trò *Hỏi nhanh, đáp nhanh*
+ 2 HS tạo thành một nhóm, một bạn hỏi, bạn kia trả lời sau đó đổi lại.
+ Nội dung về *Quan hệ giữa các hàng đã học*.
 $10 \text{ đơn vị} = 1 \text{ chục}$, $1 \text{ chục} = 10 \text{ đơn vị}$.

...

- $1 \text{ trăm nghìn} = 10 \text{ chục nghìn}$
+ GV mời vài cặp thực hành trước lớp
- GV nhận xét, tuyên dương, dẫn dắt HS vào bài học.

2. Hoạt động Hình thành kiến thức (8 – 10')

- GV nhắc lại kiến thức về số tròn trăm nghìn, tròn chục nghìn,...
- GV yêu cầu HS đọc ví dụ phần khám phá, cùng khám phá số dân thành phố Cà Mai gồm mấy trăm nghìn người, mấy chục nghìn,...
- Từ đó, GV đưa ra cách đọc và cấu tạo thập phân của số có sáu chữ số
- GV đưa ra thêm ví dụ: *Đọc các số*:

a) 345 958

b) 257 134

a) 345 958: *Ba trăm bốn mươi lăm nghìn chính trăm năm mươi tám*

b) 257 134: *Hai trăm năm mươi bảy một trăm ba mươi tư*

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 – 15')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 34/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1.

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bảng.
- GV mời đại diện 1 HS chia sẻ trước lớp, các HS khác tự làm và đối chiếu kết quả để so sánh nhận xét
- GV đánh giá, chữa bài.

Bài 2.

- GV cho HS đọc đề bài, quan sát hình ảnh.
- GV yêu cầu HS đếm trong mỗi trường hợp gồm mấy trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm. Từ đó nêu số có sáu chữ số thích hợp
- GV nhận xét, chữa bài

Bài 3.

"Tê giác là loài động vật trên cạn lớn thứ hai trên Trái Đất. Năm 1900, người ta ước tính có 500 000 con tê giác ngoài tự nhiên. Tuy nhiên, do nạn săn bắn bất hợp pháp mà ngày nay người ta ước tính chỉ còn 27 000 con tê giác."

a) Năm 1 900, ước tính có bao nhiêu con tê giác số ngoài tự nhiên?

b) Ngày nay, ước tính có bao nhiêu con tê giác sống ngoài tự nhiên?

- GV mời một HS đọc to đoạn báo cáo trên lớp.
- GV yêu cầu HS nhóm đôi đọc đáp án cho nhau nghe
- GV chữa bài, yêu cầu HS nêu câu trả lời hai câu hỏi trong bài

4. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi "Đi chợ".
- GV chuẩn bị 1 số tờ giấy các mệnh giá và một số món hàng có giá tiền nhất định, yêu cầu HS đọc giá tiền, kết hợp lấy số tiền đúng.
- GV nhận xét, tuyên dương.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN**BÀI 10: SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ. SỐ 1 000 000 (Tiết 22)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết, hiểu về cấu tạo, cách viết, cách đọc, nhận biết được vị trí trên tia số của số 1 000 000.
- Luyện tập, củng cố cách đọc, cách viết số, cấu tạo số trong phạm vi 1 000 000.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (1 – 3')**

- GV tổ chức trò chơi “Chuyên thư”
- Yêu cầu trong thư: Nêu số dân của thành phố/ tỉnh em
- GV nhận xét, khen HS
- HS hát và chuyên thư
- HS trả lời
- GV giới thiệu - ghi bài

2. Hoạt động Hình thành kiến thức (5 – 8')

- GV yêu cầu HS quan sát khối mà Nam đang cầm và cho biết số lượng khối lập phương nhỏ được dùng để tạo lên khối đó.
- HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ.
- Khối của Nam gồm 1 000 khối lập phương nhỏ
- Hãy đọc lời thoại của Mai và cho biết khối mà Mai đang nói tới gồm bao nhiêu khối lập phương nhỏ?
- Khối của Mai gồm 100 000 khối lập phương nhỏ
- Khối của Rô -bốt gồm bao nhiêu khối như của Mai?
- Khối của Rô-bốt được ghép từ 10 khối như của Mai
- GV giới thiệu số một triệu, cách đọc và cách viết.
- HS theo dõi.
- GV giới thiệu vị trí của số 1 000 000 trên tia số.
- HS theo dõi.
- Số liền sau số 999 999 là số nào?
- số 1 000 000
- Số liền trước số 1 000 000 là số nào?
- số 999 999

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (15 – 20')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2 (Trang 35/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1

- HS đọc và nêu: Viết các số tròn trăm nghìn trên tia số theo đúng và vị trí.
- GV yêu cầu HS viết các số tương ứng vào vở.
- HS thực hiện.

a) 100 000, 200 000, 300 000, 400 000, 500 000, 600 000.

b) 600 000, 700 000, 800 000, 900 000, 1 000 000.

- Yêu cầu HS đọc tất cả các số tròn trăm nghìn đã học.
- Em làm thế nào để xác định được số ở dấu hỏi chấm?
- HS trả lời. (xác định các số tròn trăm nghìn liên tiếp)

Bài 2

- HS làm bài cá nhân.
- Yêu cầu HS làm vào vở sau đó đổi chéo.
- HS thực hiện cá nhân và soát bài theo nhóm đôi..
- GV chia lớp thành vài nhóm để chơi trò chơi “Tiếp sức”. Các thành viên của mỗi nhóm lần lượt lên bảng viết các số tương ứng với số mà GV đọc. Đội nào viết nhanh nhất, đúng nhất ở mỗi lượt thì được điểm. Sau một vài lượt chơi, nhóm nào có điểm cao nhất là nhóm chiến thắng. (GV chọn các số có cách đọc đặc biệt để đọc cho HS trong trò chơi).

*** GV kết luận: *Củng cố cách đọc, viết các số trong phạm vi 1 000 000.***

- HS đọc và nêu: Lập 5 số chẵn có 5 chữ số và 5 số lẻ có 6 chữ số theo các thẻ số đã cho.
- GV yêu cầu làm việc theo cặp, thực hiện yêu cầu bài.
- HS thảo luận theo cặp.

Ví dụ: a) 375 004, 370 504, 370 054, 300 754, 307 054.

b) 300 475, 304 075, 340 075, 430 075, 403 075.

- Dựa vào đâu em lập được các số chẵn, các số lẻ?

*** GV kết luận: *Củng cố về cách lập số và số chẵn, số lẻ.***

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (2 – 5')

- GV cử 1 bạn làm quản trò. Quản trò đưa ra các số: 3; 0; 0; 4; 7; 5. Yêu cầu 1 nhóm lập các số chẵn có 6 chữ số; 1 nhóm lập các số lẻ có sáu chữ số. Trong vòng 1 phút, nhóm nào lập được nhiều và chính xác, nhóm đó chiến thắng.
- GV theo dõi, nhận xét, tuyên dương HS.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

BÀI 10: SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ. SỐ 1 000 000 (Tiết 23)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết, hiểu về cấu tạo, cách viết, cách đọc, nhận biết được vị trí trên tia số của số 1 000 000.
- Luyện tập, củng cố cách đọc, cách viết số, cấu tạo số trong phạm vi 1 000 000.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (2 – 5')

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.
- + GV đưa ra một vài hình ảnh các số có đến 5 chữ số, HS sẽ đọc thật nhanh các số GV đưa ra.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 – 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 36/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1

- Viết các số thành tổng của các số tròn trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị
- Yêu cầu HS làm vào vở sau đó đổi chéo.
- HS thực hiện.

$$882\,936 = 800\,000 + 80\,000 + 2\,000 + 900 + 30 + 6.$$

- Em làm thế nào để xác định được số ở dấu hỏi chấm?
- HS trả lời. (phân tích các số thành các hàng trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị)

- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.

*** GV kết luận: Củng cố cách phân tích cấu tạo số.**

Bài 2

- HS đọc và nêu yêu cầu (Quan sát hình, đọc số ở vị trí mũi tên; dự đoán tình huống có thể xảy ra khi quay vòng quay).

- Yêu cầu HS nêu câu trả lời (mỗi HS trả lời một đáp án chưa được nhắc tới).

- HS nêu câu trả lời

+ Số ở mũi tên là 165 500

Các sự kiện có thể xảy ra là:

+ Mũi tên chỉ vào số 750 000.

+ Mũi tên chỉ vào số 165 500.

***GV kết luận: Củng cố về cách đọc số trong phạm vi 1 000 000, đồng thời kết hợp ôn tập về xác suất thống kê.**

Bài 3

*** GV kết luận: Củng cố cách đọc, viết các số trong phạm vi 1 000 000.**

- HS đọc và nêu: Lập 5 số chẵn có 5 chữ số và 5 số lẻ có 6 chữ số theo các thẻ số đã cho.

- GV yêu cầu làm việc theo cặp, thực hiện yêu cầu bài.

- HS thảo luận theo cặp.

Ví dụ: a) 375 004, 370 504, 370 054, 300 754, 307 054.

b) 300 475, 304 075, 340 075, 430 075, 403 075.

- Dựa vào đâu em lập được các số chẵn, các số lẻ?

*** GV kết luận: Củng cố về cách lập số và số chẵn, số lẻ.**

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh củng cố kiến thức về các góc đã học.

- Ví dụ: GV tổ chức chơi hái hoa dân chủ, HS lên bốc thăm. Trong mỗi bông hoa sẽ có 1 hình. HS sẽ đọc tên các góc có trong hình đó.

- Nhận xét, tuyên dương.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

BÀI 11: HÀNG VÀ LỚP (Tiết 24)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được lớp triệu, lớp nghìn, lớp đơn vị.

- Nhận biết được các hàng tương ứng trong mỗi lớp.

- Nhận biết được, viết được, đọc được các số tròn chục triệu, tròn trăm triệu

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Chuyện Thưa”

- Yêu cầu trong thư: Phân tích số 968 259 thành tổng của các số tròn trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị

- HS hát tập thể và chuyện thưa

- HS phân tích

- GV cùng HS nhận xét

- GV giới thiệu - ghi bài

2. Hoạt động Hình thành kiến thức (8 – 10')

- GV cho HS quan sát mô hình đơn giản như trong phần khám phá và hỏi: số đã cho gồm mấy trăm nghìn? chữ số 4 trong số đã cho có giá trị bằng bao nhiêu đơn vị?,...
- GV giới thiệu tên gọi của các hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn,...
- Kết luận về lớp đơn vị và lớp nghìn.
- Yêu cầu HS nêu lại tên gọi của các hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn,...

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 – 15')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2 (Trang 37, 38/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1

- HS đọc và nêu yêu cầu: Hoàn thành bảng ghi cách đọc, viết số
- GV yêu cầu HS làm vào vở và chia sẻ nhóm đôi, gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả.
- GV hỏi củng cố kiến thức về hàng, lớp:
 - + Số 377 931 có chữ số hàng chục nghìn là chữ số nào?
 - + Số gồm 9 chục nghìn, 2 nghìn, 3 trăm, 4 chục và 0 đơn vị là số nào? - HS nêu
 - + Chữ số 3
 - + Số 92 340
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.

Bài 2:

- HS đọc và nêu yêu cầu: Đọc các số và cho biết chữ số 3 ở mỗi số thuộc hàng nào, lớp nào.
- GV yêu cầu HS viết cách đọc của mỗi số tương ứng vào vở và ghi hàng, lớp tương ứng của chữ số 3, sau đó đọc trong nhóm đôi.
- Gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả.
- Ví dụ: Một trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm ba mươi tám. chữ số 3 thuộc hàng chục, lớp đơn vị.
- GV nhận xét chung, khen ngợi HS.

Bài 3:

- HS làm cá nhân.
- Xác định chữ số gạch chân ở hàng nào để biết giá trị của nó.
- Yêu cầu HS điền số và soát bài theo nhóm đôi.
- Gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả.
- GV cùng HS nhận xét.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- Dựa vào đâu để em biết giá trị của chữ số trong 1 số?
- Dựa vào vị trí của chữ số trong số đó thuộc hàng nào, lớp nào.
- Em xem thông tin trên mạng về giá tiền của một chiếc xe máy và đọc số tiền đó.
- HS thực hiện
- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN**BÀI 11: HÀNG VÀ LỚP (Tiết 25)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS nhận biết, đọc và viết số tròn chục triệu, trăm triệu. HS nhận biết được lớp triệu và các hàng tương ứng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- HS hát và vận động theo nhạc.

- GV giới thiệu bài - ghi tên bài.

2. Hoạt động Hình thành kiến thức (8 – 10')

- GV yêu cầu HS quan sát tranh phần khám phá, nêu dân số của Hy Lạp và Việt Nam năm 2022.

- HS thảo luận nhóm đôi, đại diện chia sẻ.

+ Năm 2022, dân số của Hy Lạp là khoảng mười triệu người và dân số của Việt Nam là khoảng một trăm triệu người.

- Em hiểu “Mười triệu”, “một trăm triệu” có nghĩa là gì?

- HS nêu theo ý hiểu của mình.

- GV nhận xét, tổng kết bằng cách dẫn về số đã biết: Mười lần một triệu thì chúng ta có mười triệu. Mười lần mười triệu như vậy chúng ta sẽ có một trăm triệu (hoặc một trăm lần một triệu như vậy thì chúng ta có một trăm triệu).

- GV giới thiệu cách viết số 10 000 000 và 100 000 000 và cách đọc.

+ Mười triệu hay Một chục triệu viết là 10 000 000

+ Một trăm triệu viết là 100 000 000

- HS đọc lại

- GV đưa ra một số các số tròn chục triệu, trăm triệu để HS đọc.

(VD: 30 000 000, 40 000 000, 500 000 000, 14 000 000, 743 000 000,...)

* GV giới thiệu về lớp triệu và các hàng tương ứng

- GV cho HS quan sát mô hình đơn giản như trong phần khám phá và hỏi: số đã cho gồm mấy triệu, chục triệu, trăm triệu?

- GV giới thiệu tên gọi của các hàng triệu, chục triệu, trăm triệu

- Kết luận về lớp triệu.

- Yêu cầu HS lấy ví dụ số có 9 chữ số và nêu lại tên gọi của các hàng triệu, chục triệu, trăm triệu

- HS viết ví dụ số có 9 chữ số ra nháp và nêu lại tên gọi của các hàng triệu, chục triệu, trăm triệu

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 – 15')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 39/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chú bài.

Bài 1.

- HS đọc và nêu yêu cầu: Đọc giá tiền các đồ vật trong hình

- GV yêu cầu HS ghi cách đọc vào vở và chia sẻ nhóm đôi, gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả.

- HS thực hiện cá nhân - nhóm đôi - lớp.

- Em hãy nêu nhận xét về giá tiền các đồ vật trong hình

- ... là các số tròn triệu, chục triệu, trăm triệu

- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương HS.

Bài 2.

- GV yêu cầu HS viết hai dãy số tương ứng vào vở.

(Ví dụ: 1 000 000, 2 000 000, 3 000 000, ...)

- GV soi bài, cho HS nhận xét, chia sẻ

- GV khen ngợi HS.

Bài 3.

- Xác định chữ số 2 ở mỗi số thuộc hàng nào? lớp nào?
- GV yêu cầu HS làm vào vở và chia sẻ nhóm đôi, gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả.
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi: Tìm bạn
- GV chuẩn bị 1 số thẻ (khoảng 20 thẻ) có nội dung: thẻ các số tròn chục triệu, tròn trăm triệu; thẻ các chữ số có giá trị khác nhau (VD: Chữ số 3 thuộc hàng chục triệu, lớp triệu....); Nhiệm vụ của các bạn HS là trong thời gian 15s phải tìm được đồng đội để bắt cặp chính xác.
- GV nhận xét.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN TƯ DUY **TÔ MÀU BẢN ĐỒ (2 Tiết)**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Khám phá quy tắc tô màu bản đồ lãnh thổ các quốc gia trên thế giới
- Làm quen với định lý 4 màu qua các ví dụ tường minh

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, phiếu BT

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động: Nhìn ra thế giới (5 – 10')

- Giáo viên cùng học sinh du lịch vòng quanh thế giới bằng việc kể tên một số quốc gia trên thế giới cùng tên thủ đô và một vài đặc điểm nổi bật của nó.

+ Ví dụ: Nhật Bản với thủ đô Tokyo, nổi tiếng với sushi và những tính cách tốt của người Nhật...

2. Hoạt động Khám phá: Tô màu bản đồ (25 – 30')

- Bước tiếp cận: Giáo viên có thể bắt đầu với một câu chuyện nội dung liên quan đến việc mỗi học sinh đóng vai một lãnh chúa, sở hữu rất nhiều đất và để quản lý toàn bộ đất đai của mình, chúng ta nên có thể chia vùng đất đó ra thành nhiều miền nhỏ hơn, thuê một vài người quản lý từng miền đất đó; giả sử như chúng ta có một mảnh đất hình chữ nhật (dùng giấy nháp để vẽ), chúng ta chia mảnh đất đó thành ít nhất 6 phần, có thể chia thành nhiều phần hơn, to nhỏ không quan trọng.

+ Sau khi học sinh chia xong, giáo viên đưa ra gợi ý: Để cho dễ theo dõi, chúng ta có thể sử dụng bút màu để tô màu các miền đất đó, mỗi miền đất được tô bởi một màu, hai miền đất có chung đường biên giới (chung 1 đỉnh thì không tính) thì được tô bởi 2 màu khác nhau.

+ Giáo viên chọn một số bản đồ (sản phẩm của học sinh), mời các bạn quan sát xem đã đúng yêu cầu chưa và đặt câu hỏi liệu chúng ta có thể sử dụng ít màu hơn màu vẫn đảm bảo yêu cầu hay không; nếu có, hãy chỉ ra một cách; nếu không, hãy giải thích.

+ Giáo viên yêu cầu cả lớp vẽ một tấm bản đồ tương tự tấm bản đồ trước đó đã vẽ, thử tìm cách tô màu với số màu ít nhất có thể.

- Giáo viên cho học sinh làm bài tập trong phiếu bài tập 5.1.1.

+ Lần lượt thực hiện từng yêu cầu, tìm câu trả lời cho câu hỏi tương ứng.

+ Sau khi học sinh hoàn thành tất cả các yêu cầu trong phiếu, nếu còn thời gian, giáo viên gợi ý học sinh thử liên hệ giữa hai hoạt động cuối cùng trong phiếu, xem ta có thể chuyển bản đồ một số quốc gia châu Âu ở hoạt động cuối cùng thành bản đồ vùng tại hoạt động thứ ba (gần cuối) trong phiếu được hay không; hãy thử tìm tên các quốc gia tương ứng với mỗi miền. Lưu ý mỗi quốc gia tiếp giáp với bao nhiêu quốc gia khác và chúng tiếp giáp với những quốc gia nào để dễ liên tưởng.

- Kết luận: Trên toàn thế giới có bao nhiêu quốc gia? Hơn 200. Vậy mà để phân biệt vùng lãnh thổ của các quốc gia khác nhau, người ta chỉ cần dùng nhiều nhất 4 màu để tô. (Tại sao dùng từ nhiều nhất? Ở đây nhiều nhất cũng là ít nhất, bởi 4 là số màu nhiều nhất cần dùng để phân biệt lãnh thổ các quốc gia, cũng là số màu ít nhất cần dùng.)

Dành cho giáo viên: Trên thực tế bây giờ là 5 màu, vì có một số vùng lãnh thổ đã li khai và được công nhận là quốc gia độc lập, bên cạnh đó cũng có một số quốc gia có nhiều miền lãnh thổ tách rời nhau, do sự tiếp giáp của mỗi miền lãnh thổ đó với các quốc gia có màu sắc khác nhau nên người ta cần dùng đến màu thứ 5. Còn theo định lý bốn màu (về tô màu bản đồ trong lý thuyết đồ thị) thì ta chỉ cần nhiều nhất 4 màu để phân biệt các miền trên một mặt phẳng.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (25 – 30')

- Kiến thức chuẩn bị (dành cho giáo viên): Hôm nay chúng ta sẽ sử dụng đồ thị dạng vòng (hay nói cách khác là chu trình) giống như một chiếc vòng tay với các hạt vòng gồm 2-3 màu khác nhau.

- Giáo viên vẽ một vòng tròn lên bảng, trên vòng tròn có các hình tròn hoặc hình vuông (không cần xếp sát nhau) – giống như một chuỗi hạt khép kín (giữa các hạt liền nhau có thể có khoảng trống hoặc không).

+ Bắt đầu với 8 hình tròn – chuỗi 8 hạt: Giáo viên nêu yêu cầu hãy tô màu chuỗi hạt này sao cho hai hạt liền nhau luôn được tô bởi hai màu khác nhau. (Học sinh có thể sử dụng bao nhiêu màu tùy ý. Tô trên bảng không nhất thiết phải sử dụng phần màu, chúng ta có thể viết kí hiệu màu lên những hạt vòng đó để thể hiện hành động tô màu.) Chúng ta cần ít nhất bao nhiêu màu để thực hiện yêu cầu đó? Ít hơn có được không? (2 là đủ. Ít hơn là 1 thì không được vì khi đó chuỗi sẽ toàn các hạt màu xanh hoặc màu đỏ, khi đó ta luôn tìm được 2 hạt cùng màu xếp cạnh nhau.)

+ Tiếp theo, ta khám phá chuỗi 15 hạt: Giáo viên mời học sinh đưa ra dự đoán về số màu ít nhất cần dùng, hỏi học sinh lý do lựa chọn như vậy. Và thực hành tô màu để kiểm chứng dự đoán. Tiến đến giải thích tại sao lại cần ít nhất 3 màu, tại sao 2 màu thì không được (vì cứ tô lần lượt thì đến hạt cuối cùng – nó có một hạt màu xanh và một hạt màu đỏ ở cạnh nó – vậy dù ta tô bằng màu nào thì cũng sẽ có hai hạt ở cạnh nhau có màu giống nhau, nên ta cần dùng thêm 1 màu nữa là 3 màu.)

+ Hỏi – đáp nhanh với một số chuỗi gồm 43 hạt, 98 hạt, 115 hạt, 610 hạt... cần dùng bao nhiêu màu. Khám phá tính chẵn lẻ.

- Kết luận: Với số chẵn hạt thì cần 2 màu, với số lẻ hạt thì cần 3 màu.

Bài tập

- Giáo viên cho học sinh làm bài tập trong phiếu bài tập 5.2.1.

+ Lần lượt đọc yêu cầu từng bài và cùng nhau thảo luận.

+ Bài 1: Ứng dụng phân khởi động.

+ Bài 2: Để không có hai hạt cạnh nhau cùng màu thì số hạt đỏ phải bằng số hạt xanh, nhưng vì có số lẻ hạt nên ta không thể sắp xếp như thế. Từ đó suy ra điều đề bài yêu cầu.

+ Bài 3 (BTVN): Tương tự phân khởi động, thay các hạt màu xanh/màu đỏ bởi các bạn trai và các hạt còn lại bởi các bạn nữ.

+ Bài 4 (Thử thách phụ): Gọi ý về hình minh họa.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN CÙNG CỘ SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ. SỐ 1 000 000. HÀNG VÀ LỚP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:

+ Biết cách phân tích số thành tổng các số hạng, tìm được số liền sau của số có sáu chữ số.

+ Biết cách xác định hàng và lớp

+ Lập được các số lẻ có sáu chữ số từ các thẻ số đã cho.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3-5')

- GV tổ chức cho Hs hát

- GV dẫn dắt vào bài mới

- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:

+ Biết cách phân tích số thành tổng các số hạng, tìm được số liền sau của số có sáu chữ số.

+ Biết cách xác định hàng và lớp.

+ Lập được các số lẻ có sáu chữ số từ các thẻ số đã cho.

2. Hoạt động luyện tập, thực hành (55-60')

- GV giao BT cho HS làm bài (20 – 25')

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3 phiếu bài tập

- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4. phiếu bài tập.

- HS làm bài vào vở.

- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.

- Chữa bài (12-15')

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

*** Bài 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng**

a) Số lớn nhất trong các số 34 987; 341 786; 341 768; 413 500 là:

A. 34 987 B. 341 786 C. 341 768 D. 413 500

b) Số bé nhất trong các số 562 239; 526 239; 527 123; 600 300 là:

A. 562 239 B. 526 239 C. 527 123 D. 600 300

c) Giá trị của chữ số 6 trong số 867 209 là:

A. 60 B. 600 C. 6000 D. 60 000

d) Số lớn nhất có sáu chữ số là:

A. 999 999 B. 999 990 C. 999 900 D. 900 000

e) Có bao nhiêu số có sáu chữ số mà tổng các chữ số của nó bằng 2?

A. 6 số

B. 5 số

C. 4 số

D. 3 số

f) Số bé nhất có sáu chữ số mà chữ số hàng trăm là 9 và chữ số hàng đơn vị 2 là:

A. 999 992

B. 111 912

C. 100 902

D. 100 912

- Cho HS đọc YC.

- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời.

- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.

→ Gv chốt

*** Bài 2: Hoàn thành bảng sau**

Viết số	Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
504 630						
987 104						
53 246						
	1	0	7	8	4	9
			1	0	2	4

- Gọi Hs đọc đề.

- HS chia sẻ nối tiếp.

- Cho học sinh nhận xét

- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

Viết số	Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
504 630	5	0	4	6	3	0
987 104	9	8	7	1	0	4
53 246		5	3	2	4	6
107 849	1	0	7	8	4	9
1024			1	0	2	4

→ Gv chốt cách xác định hàng và lớp của số có sáu chữ số.

Bài 3: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

a, Số mười triệu viết là

b, Số một trăm triệu viết là

c, Chữ số 8 trong số 825 000 000 ở hàng thuộc lớp

d, Trong số 22 222, chữ số 2 có giá trị lớn nhất bằng, chữ số 2 đó ở hàng, thuộc lớp

- GV cho học sinh lên thực hiện tìm hiểu đề, cách làm và làm bài.

- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức

→ Gv chốt cách viết số và xác định hàng và lớp của số có sáu chữ số.

Bài 4. Từ ba chữ số 1, 2, 3 hãy viết tất cả các số lẻ có sáu chữ số. Biết rằng trong mỗi số, các chữ số thuộc cùng một lớp thì giống nhau.

- GV gọi 1 hs nêu đề bài.

- Học sinh chia sẻ đáp án.

- GV nhận xét, chốt kết quả:

- Kết quả:

111 333; 222 333; 222 111; 333 111

→ Gv chốt cách lập số lẻ.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 - 5')

- Cho các thẻ số sau: 3; 0; 4; 7; 5; 1. Hãy lập 5 số lẻ có 6 chữ số.

- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.

- GV nhận xét giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN CÙNG CẤP

SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ. SỐ 1 000 000. HÀNG VÀ LỚP (tiếp theo)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:

+ Biết cách xác định hàng và lớp, giá trị của chữ số

+ Viết được các số chẵn có sáu chữ số thỏa mãn yêu cầu bài ra.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- HS tham gia trò chơi: Hỏi nhanh đáp gọn.

- GV dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (22 - 25')

- GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2.

- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4.

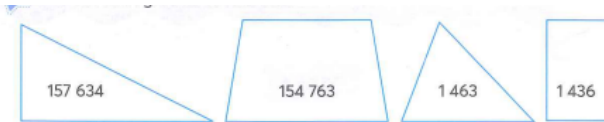
- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động chữa bài

Bài 1: Cho các hình ghi các số như sau:



Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

a, Hình có ba góc nhọn ghi số nào?

A. 1436 B. 1463 C. 154 763 D. 157 634

b, Ở số ghi trong hình có hai góc tù, giá trị chữ số 4 là:

A. 4 B. 400 C. 4 000 D. 40 000

- Cho HS quan sát.

- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời.

- GV nhận xét bài làm trên bảng- phiếu nhóm, khen học sinh thực hiện tốt.

→ Gv chốt.

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm

a) 780 000 000, 790 000 000,, 810 000 000,

b) $783\,251 = 700\,000 + \dots + 3000 + 200 + 50 + 1$

c) Chữ số 2 thuộc lớp nghìn của số 821 259 có giá trị là

d) Chữ số 7 ở hàng chục triệu của số 77 000 000 có giá trị là.....

- GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”

+ 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài: “Con bướm vàng”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.

- Cho học sinh nhận xét

- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

→ Gv chốt cách xác định hàng và lớp, giá trị chữ số trong số có sáu chữ số.

Bài 3: Hoàn thành bảng sau (theo mẫu)

Chữ số 2 trong số	132 000 000	751 243	931 452	214 083
Ở hàng	Triệu			
Thuộc lớp	Triệu			
Giá trị	2 000 000			
Chữ số 2 trong số	132 000 000	751 243	931 452	214 083
Ở hàng	Triệu	Trăm	Đơn vị	Trăm nghìn
Thuộc lớp	Triệu	Đơn vị	Đơn vị	nghìn
Giá trị	2 000 000	200	2	200 000
Kết quả				
Chữ số 2 trong số	132 000 000	751 243	931 452	214 083
Ở hàng	Triệu	Trăm	Đơn vị	Trăm nghìn

Thuộc lớp	Triệu	Đơn vị	Đơn vị	ngàn
Giá trị	2 000 000	200	2	200 000

- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức.

➔ *Gv chốt cách xác định hàng và lớp, giá trị chữ số trong số có sáu chữ số.*

Bài 4: Từ ba chữ số 7, 8, 9, hãy viết tất cả các số chẵn có sáu chữ số. Biết rằng trong mỗi số, các chữ số thuộc lớp nghìn khác nhau, các chữ số thuộc lớp đơn vị giống nhau.

- Gọi Hs đọc đề

- GV gọi 1 hs nêu kết quả

- Hs nêu kết quả

Vì viết các số chẵn nên chữ số hàng đơn vị là 8. Do các chữ số thuộc lớp đơn vị giống nhau nên các chữ số lớp đơn vị là 8,8,8

Viết được các số: 789 888; 879 888; 978 888; 987 888.

- GV nhận xét, chốt kết quả:

➔ *Gv chốt cách viết số chẵn có sáu chữ số từ các chữ số đã cho trước.*

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- Hãy lập các số chẵn thỏa mãn điều kiện:

+ Lớp nghìn gồm các chữ số 0, 0, 2

+ Lớp đơn vị gồm các chữ số 7, 4, 4.

- GV nhận xét giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

BÀI 6: MỘT SỐ NÉT VĂN HÓA Ở VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ (T1) - (Tiết 9)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Mô tả được một số nét văn hoá của dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ(lễ hội Gầu Tào, lễ hội Lồng Tồng, chợ phiên vùng cao...)

- Rèn luyện kỹ năng tìm tòi khám phá thông qua việc mô tả một số nét văn hoá của dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- HS yêu thích môn Lịch sử và địa lí và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn học và ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng;

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV giới thiệu bức tranh trong sách giáo khoa để khởi động bài học.

- Hình trên giúp em biết điều gì về văn hoá của dân tộc Mông ở Mai Châu, tỉnh Hoà Bình?

=> *Bức hình thể hiện một lối sống văn hoá cùng nhau tụ tập giao lưu, nhảy múa vào những dịp lễ hội lớn. Một nét văn hoá có lâu đời và vẫn còn lưu giữ đến thế hệ ngày nay.*

- HS chia sẻ câu trả lời.



▲ Hình 1. Lễ hội Gầu Tào của dân tộc Mông ở Mai Châu (tỉnh Hoà Bình)

- GV nhận xét câu trả lời của học sinh.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: (8- 10’)

2.1. Tìm hiểu về lễ hội ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và chợ phiên vùng cao.(làm việc nhóm 4)

** Tìm hiểu về lễ hội ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ:*

- GV yêu cầu HS kết hợp đọc thông tin, quan sát hình 2 và hình 3 trang 29 và trả lời các câu hỏi:

- HS quan sát hình và đọc thông tin cùng thảo luận trả lời câu hỏi:

+ Kể tên một số lễ hội tiêu biểu ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

=> *Một số lễ hội tiêu biểu như: Gầu Tào, Lồng Tồng, Đền Hùng, Xương Giang...*

+ Mô tả một lễ hội mà em ấn tượng nhất.

=> *Lễ hội em ấn tượng nhất là lễ hội Gầu Tào của người dân tộc Mông, được tổ chức vào đầu năm, tại nơi bằng phẳng, rộng rãi. Sau phần nghi lễ là những hoạt động vui chơi như: múa khèn, đẩy gậy...*

- GV mời đại diện các nhóm trình bày và chia sẻ kết quả của mình.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV cho HS xem video về một số lễ hội khác như: Lễ hội Cầu An bản mường ở Mai Châu tỉnh Hoà Bình, Lễ hội Hoa Ban(Điện Biên, Sơn La)

- GV kết luận: *Các dân tộc ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có rất nhiều lễ hội khác nhau, tất cả các lễ hội được tổ chức nhằm cầu mong cho mọi người có một năm mới nhiều may mắn, mạnh khoẻ, mùa màng bội thu....*

2.2. Tìm hiểu về chợ phiên vùng cao.(làm việc nhóm 2)

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 6 và hình 7 trang 30-31 và thảo luận trả lời các câu hỏi:

- HS quan sát tranh, đọc thông tin và thảo luận trả lời câu hỏi:

+ Chợ phiên họp vào thời gian nào?

=> *Thường họp vào những ngày nhất định.*

+ Tại chợ phiên thường mua bán, những mặt hàng gì?

=> *Hàng hoá phần lớn là của người dân địa phương đem ra chợ bán như: hàng thổ cẩm, công cụ sản xuất...*

+ Ngoài việc mua bán, trao đổi hàng hoá, người dân còn đến chợ phiên để làm gì?

=> *Chợ phiên không chỉ là nơi mua bán, trao đổi hàng hoá mà còn là nơi giao lưu, gặp gỡ của mọi người, nơi kết bạn của các nam nữ thanh niên.*

- GV nhận xét và tuyên dương.

- GV cho HS quan sát video chợ phiên Bắc Hà và thực hiện yêu cầu:

+ Em hãy mô tả cảnh về chợ phiên Bắc Hà.

- HS xem video cảnh chợ phiên Bắc Hà.

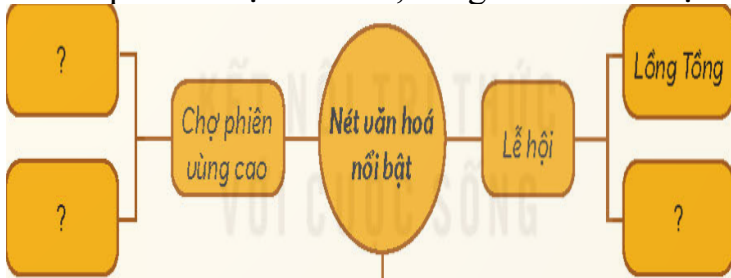
=> *Chợ phiên Bắc Hà nổi tiếng ở vùng Tây Bắc. Thường họp vào ngày Chủ nhật hàng tuần. Ngoài quần áo vải vóc người ta còn mang trâu, chó, ngựa đến chợ để bán. Đó là điểm khác biệt của chợ phiên Bắc Hà với các chợ phiên khác.*

- GV nhận xét và cung cấp thêm thông tin: *Chợ phiên Bắc Hà được đánh giá là chợ đẹp và hấp dẫn nhất Đông Nam Á. Hiện nay, nhiều du khách chọn chợ phiên Bắc Hà là điểm đến không thể bỏ qua khi đến với tỉnh Lào Cai.*

3. Hoạt động luyện tập thực hành: (13- 15’)

Biết vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số nét văn hoá nổi bật ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ. (Sinh hoạt nhóm 4)

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- Mời cả lớp sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số nét văn hoá nổi bật ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Cả lớp sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số



- GV mời các nhóm trưng bày kết quả lên bản lớp.
- GV mời cả lớp cùng quan sát và đánh giá kết quả.
- GV nhận xét tuyên dương

4. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV mời HS tham gia thảo luận
- “ So sánh chợ phiên ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ với chợ nơi em sống”.
- + GV chia lớp thành 2 nhóm
- + GV mời các nhóm tham gia thảo luận. Nhóm nào có kết quả thảo luận đúng và nhanh nhất sẽ được tuyên dương.
- HS tham gia trò chơi và đưa nhanh đáp án.
- Học sinh các nhóm tham gia thảo luận.
- + Chợ nơi em sinh sống khác nhiều so với những phiên chợ vùng cao. Chợ quê em được xây dựng khang trang thành những ô bán hàng nhất định, các mặt hàng đa dạng, phong phú, từ thức ăn, hoa quả, đồ dân dụng, quần áo, đồ chơi.... Tất cả các ngày trong tuần đều họp chợ.
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài. Yêu cầu học sinh chuẩn bị Bài 6: Một số nét văn hóa và vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ - tiết 2

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

BÀI 6: MỘT SỐ NÉT VĂN HÓA Ở VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ (T2) - (Tiết 10)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Mô tả được một số nét văn hoá của dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ(hát múa dân gian...)
- Rèn luyện kỹ năng tìm tòi khám phá thông qua việc mô tả một số nét văn hoá của dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- HS yêu thích môn Lịch sử và địa lí và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn học và ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng;

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV giới thiệu video về múa Xoè để khởi động bài học.
- GV nêu câu hỏi:
 - + Múa Xoè là loại hình nghệ thuật của dân tộc nào?
 - => Múa Xoè là loại hình nghệ thuật của dân tộc Thái.
 - + Địa phương e có những loại hình nghệ thuật nào?
 - => Ca Cỗ, Cải lương...
- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: (13- 15')**Tìm hiểu về Hát múa dân gian.(làm việc nhóm 4)**** Tìm hiểu về Hát Then*

- GV yêu cầu HS kết hợp đọc thông tin, quan sát hình 4 trang 29 và trả lời các câu hỏi:
- HS quan sát hình và đọc thông tin cùng thảo luận trả lời câu hỏi:
 - + Giới thiệu nét cơ bản về Hát Then của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
 - => Là một loại hình âm nhạc dân gian của dân tộc Tày, Nùng... được tổ chức vào dịp quan trọng.
 - + Thông qua làn điệu của Then, người dân mong muốn điều gì?
 - => Với mong muốn được gặp nhiều điều may mắn và cuộc sống tốt lành.
- GV cho đại diện các nhóm trình bày.
- GV nhận xét và tuyên dương và chốt đáp án đúng.
- GV cho HS nghe một bài Hát Then và giải thích cho HS ý nghĩa của Hát Then: *Hát Then loại hình nghệ thuật dân gian thấm thấu đời sống, văn hoá tín ngưỡng, tâm linh của đồng bào Tày, Nùng, Thái ở vùng cao phía Bắc, những điệu Then ẩn chứa, phô diễn những giá trị lịch sử, văn hóa lâu đời của cư dân bản địa, có vai trò là cầu nối giữa con người với thế giới thần linh. Ngày 12/12/2019 của Ủy ban Liên Chính phủ Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể lần thứ 14 của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) diễn ra tại Bogotá, Colombia, di sản Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam chính thức được UNESCO ghi danh tại Danh sách Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.*

** Tìm hiểu về múa Xoè Thái.(làm việc nhóm 2)*

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các hình 5 trang 30 và thảo luận trả lời các câu hỏi:
 - + Xoè Thái thường được biểu diễn vào những dịp nào?
 - => Xoè là loại hình múa truyền thống đặc sắc của người Thái, được biểu diễn trong các dịp lễ, tết, ngày vui của gia đình, dòng họ,
 - + Người Thái mong muốn điều gì qua những điệu Xoè ?
 - => Những điệu xoè chứa đựng ước mơ, khát vọng và là niềm tự hào của người Thái.
- GV nhận xét và tuyên dương.
- GV cho HS xem video múa Xoè Thái và giải thích cho HS ý nghĩa của Múa Xoè Thái: *Nghệ thuật Xoè Thái được ghi danh là niềm vinh dự, tự hào của cả nước nói chung, nhân dân các dân tộc 4 tỉnh Yên Bái, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu. Được UNESCO ghi danh nghệ thuật xoè Thái vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại đã chứng minh sức sống mãnh liệt, vị trí đặc biệt quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể*

này của không chỉ đồng bào người Thái, mà còn của chung cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong dòng chảy văn hóa đất nước

3. Hoạt động luyện tập thực hành: (8- 10')

Biết vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số nét văn hoá nổi bật ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ. (Sinh hoạt nhóm 4)

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- Mời cả lớp sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số nét văn hoá nổi bật ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.
- GV mời các nhóm trưng bày kết quả lên bản lớp.
- GV mời cả lớp cùng quan sát và đánh giá kết quả.
- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng



4. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV mời HS tham gia trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”
- + Luật chơi: chơi theo tổ, mỗi tổ cử một số bạn tham gia chơi. Trong thời gian 1 phút mỗi tổ kể tên các loại hình nghệ thuật tiêu biểu ở trung du và miền núi Bắc Bộ. Tổ nào kể đúng và nhiều nhất là thắng cuộc.
- + GV mời các tổ tham gia cùng tham gia chơi, GV làm trọng tài bấm giờ và xác định kết quả.
- + Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương.
- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.
- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS. Dặn học sinh chuẩn bị Bài 7: Đèn Hùng và lễ Giỗ Tổ Hùng Vương - tiết 1

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

KHOA HỌC

VAI TRÒ CỦA KHÔNG KHÍ VÀ BẢO VỆ BẦU KHÔNG KHÍ TRONG LÀNH (TIẾT 1) (Tiết 9)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Quan sát và làm thí nghiệm để: Giải thích được vai trò của không khí đối với sự cháy.
- Trình bày được vai trò và ứng dụng tính chất của không khí đối với sự sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV hỏi:
- + Làm thế nào để tắt ngọn nến đang cháy mà không cần thổi?
- GV chốt: Ta chỉ cần lấy 1 chiếc lọ nhỏ úp vào ngọn nến.
- HS suy ngẫm trả lời.
- GV giới thiệu- ghi bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức (20 – 25')

Vai trò của không khí đối với sự cháy

- GV cho HS quan sát hình 1 SGK để đưa ra dự đoán, sau đó tiến hành thí nghiệm để kiểm chứng dự đoán, qua đó hình thành kiến thức về vai trò của không khí với sự cháy.
- GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động nhóm.
- GV yêu cầu nhóm HS quan sát hình 1 và đưa ra dự đoán về thời gian tắt của ba ngọn nến trên bảng nhóm.
- GV hướng dẫn các nhóm tiến hành thí nghiệm và ghi chép kết quả, thảo luận và giải thích kết quả vào bảng nhóm.
- Ngọn nến ở hình 1b tắt nhanh nhất, sau đó đến ngọn nến ở hình 1c và cuối cùng là ngọn nến ở hình 1a. Nguyên nhân là do lượng không khí ở hình 1b ít nhất, sau đó đến hình 1c, còn nến ở hình 1a luôn có không khí xung quanh nên chỉ tắt khi hết nến.

*** GV kết luận:** Không khí có vai trò duy trì sự cháy.

Vai trò của không khí đối với sự sống

- GV hướng dẫn HS thực hiện thí nghiệm đơn giản như hình 2, quan sát các hình 3,4 SGK trả lời các câu hỏi để HS dần chiếm lĩnh kiến thức về vai trò của không khí đối với sự sống.
- GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi. Yêu cầu HS làm theo hướng dẫn, trả lời các câu hỏi và trao đổi kết quả với bạn.

*** GV kết luận:** Để tay trước mũi, ngậm miệng lại rồi hít vào thở ra sẽ thấy có luồng gió nhẹ từ mũi thổi vào tay. Lấy tay bịt mũi, ngậm miệng lại sẽ thấy khó thở và khó chịu. Vậy không khí có vai trò duy trì sự sống của con người.

- GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động nhóm 4, quan sát hình 3, thảo luận và trả lời câu hỏi vào phiếu nhóm.
- GV cho 1-2 nhóm trả lời câu hỏi và nhận xét chéo nhau.

*** GV kết luận:** Không khí có vai trò duy trì sự sống cho cả động vật và thực vật.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- Không khí có vai trò như nào đối với sự cháy, và không khí có vai trò như thế nào đối với sự sống của con người và động vật?
- Nếu đi khi đêm, chúng ta ngủ trong 1 phòng đóng kín cửa, không có khe hở thì các em đoán xem điều gì sẽ xảy ra?

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

KHOA HỌC

BÀI 5: VAI TRÒ CỦA KHÔNG KHÍ VÀ BẢO VỆ BẦU KHÔNG KHÍ TRONG LÀNH (TIẾT 2) (Tiết 10)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Giải thích được nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí, sự cần thiết phải bảo vệ bầu không khí trong lành.
- Thực hiện được việc làm phù hợp để bảo vệ bầu không khí trong lành và vận động những người xung quanh cùng thực hiện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV hỏi:

+ Tại sao người ta sử dụng máy sục để thả vào trong bình cá cảnh?

+ Tại sao chúng ta cảm thấy khó thở khi chùng chần kín đầu?

- HS trả lời

- GV giới thiệu- ghi bài

2. Hoạt động Hình thành kiến thức: Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí

(8 – 10')

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin SGK để biết thể nào là không khí bị ô nhiễm, sau đó HS quan sát và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm 4, quan sát hình 5 và trả lời câu hỏi.

- Yêu cầu các nhóm chia sẻ.

*** GV kết luận:** Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí: khí thải từ phương tiện giao thông, cháy rừng, đốt rác bừa bãi, khí thải từ các nhà máy.

(Trong các nguyên nhân gây ô nhiễm không khí thì nguyên nhân cháy rừng có thể do thiên nhiên hoặc con người, các nguyên nhân còn lại đều do con người trực tiếp gây ra.)

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành: Bảo vệ bầu không khí trong lành (10 - 15')

- GV hướng dẫn HS chia sẻ từ trải nghiệm thực tế.

- GV cho HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi và kiểm tra chéo nhau.

***GV kết luận:** Sống trong bầu không khí bị ô nhiễm chúng ta có thể bị mắc bệnh đau mắt, viêm họng, viêm đường hô hấp,...

Vì vậy cần phải bảo vệ bầu không khí trong lành vì bầu không khí bị ô nhiễm sẽ làm cho con người mắc một số bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe và cuộc sống của chúng ta.

- GV hướng dẫn HS quan sát hình 6 và thảo luận nhóm 4, trả lời câu hỏi.

GV nhận xét, đưa ra ví dụ:

- Các việc nên làm như vệ sinh lớp học, trồng cây,...

- Việc không nên làm như đốt rơm rạ, đun nấu bằng bếp than tổ ong,...

* GV cho HS vẽ sơ đồ tư duy về các nội dung chính trong bài đã học. Ví dụ: Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và một số việc nên làm và không nên làm để bảo vệ bầu không khí trong lành.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- Nêu một số nguyên nhân gây ô nhiễm không khí, vì sao phải bảo vệ bầu không khí trong lành.

- Đề xuất và giải thích cách dập đám cháy nhỏ, mới cháy.

- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

ĐẠO ĐỨC

CẢM THÔNG, GIÚP ĐỠ NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN (Tiết 5)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn

- Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn

- Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

- Sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (2 - 3')**

- GV cho HS nghe/hát/xem video bài hát “Bầu và bí” và trả lời câu hỏi:

+ Bài hát nhắc nhở chúng ta điều gì?

(giữ vững truyền thống yêu thương, đùm bọc lẫn nhau)

- GV mời một vài HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, kết luận và dẫn dắt vào bài

- HS lắng nghe cô giáo giảng

2. Hoạt động Khám phá: Tìm hiểu một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn (25-27')

- GV tổ chức cho HS chia sẻ

- GV nhận xét, kết luận: Trong xã hội còn nhiều người gặp hoàn cảnh khó khăn khác do dịch bệnh, cháy nổ, già yếu...

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân nêu những biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn trong 6 bức tranh mục b trong sgk

- GV tổ chức cho HS chia sẻ

- GV nhận xét, kết luận và hỏi: Em còn biết những việc làm nào khác thể hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn?

- GV tổ chức cho HS chia sẻ.

(trò chuyện, gửi thư động viên/ dạy học cho trẻ vô gia cư/ tạo quỹ từ thiện giúp đỡ bạn nghèo/....)

- GV nhận xét, kết luận và tuyên dương.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3-5')

- GV yêu cầu HS về nhà tìm câu ca dao, tục ngữ, bài thơ, bài hát,... nói về hoàn cảnh khó khăn và trao đổi lại cùng với người thân.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

ĐẠO ĐỨC**CẢM THÔNG, GIÚP ĐỠ NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN (Tiết 6)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

- Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.
- Sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3-5')

- GV cho HS chia sẻ câu ca dao, tục ngữ, bài thơ, bài hát,... về hoàn cảnh khó khăn em đã tìm hiểu được
- GV theo dõi, tuyên dương HS
- GV giới thiệu bài, ghi đề bài.

2. Hoạt động Khám phá: Khám phá vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn? (8-10')

- GV yêu cầu HS đọc thầm câu chuyện “Giúp bạn” trong SGK.



- GV mời một HS đọc to câu chuyện cho cả lớp nghe.
 - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi
 - + Khi con đã làm gì để giúp dê con? Khi được giúp đỡ, dê con cảm thấy thế nào?
 - + Em sẽ làm gì nếu những người xung quanh em gặp khó khăn?
 - + Theo em, sự cảm thông, giúp đỡ có ý nghĩa như thế nào đối với những người đang gặp khó khăn?
 - GV mời đại diện một vài nhóm chia sẻ kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.
 - GV nhận xét, kết luận:
 - + Khi con đã chủ động mời dê con đến nhà mình, khi kể chuyện của gia đình dê con với mẹ và xin phép mẹ tặng dê con một số sách vở, quần áo, đồ chơi và vật dụng sinh hoạt, khi còn nói những lời động viên dê con. Nếu khi con không cảm thông, giúp đỡ dê con thì có thể dê sẽ bị đói, không có quần áo để mặc,... Khi được giúp đỡ, dê con cảm thấy rất cảm động, thấy ấm áp và biết ơn cả nhà khi con.
 - + Nếu những người xung quanh em gặp khó khăn, em cần biết thể hiện sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ bằng lời nói và việc làm phù hợp với khả năng để giúp đỡ họ trong cuộc sống.
 - + Đối với những người đang gặp khó khăn, sự cảm thông giúp đỡ sẽ chia sẻ giúp họ vượt qua nghịch cảnh trong cuộc sống giúp họ vui bớt đi những mất mát hay tổn thương. Nhờ có sự đồng cảm và sẻ chia, con người sẽ xích lại gần nhau hơn.
- ### 3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (15-18')

Bài tập 1: Kể về một người có hoàn cảnh khó khăn theo gợi ý

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, nhớ lại về một người có hoàn cảnh khó khăn mà em biết để kể lại cho bạn bên cạnh nghe theo gợi ý.

+ Tên của người đó;

+ Nơi họ sống;

+ Những khó khăn mà họ đang gặp;

+ Những việc mà em có thể làm để giúp họ.

- HS kể theo gợi ý, các HS khác lắng nghe, nhận xét.

- GV khen ngợi và động viên HS đã biết cảm thông, giúp đỡ người khác.

Bài tập 2: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các ý kiến trong SGK và bày tỏ thái độ.

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ kết quả thảo luận. Các HS lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (Nếu có).



- GV nhận xét, kết luận:

+ Đồng tình với Trang vì đây là việc làm thể hiện sự giúp đỡ người đang gặp hoàn cảnh khó khăn.

+ Không đồng tình với Tuấn vì giúp đỡ người khác là việc nên làm của tất cả mọi người, bất kể lứa tuổi nào.

+ Đồng tình với Hùng vì người khuyết tật cần được giúp đỡ.

+ Không đồng tình với Vân vì cần giúp đỡ người gặp khó khăn kể cả người không quen biết.

+ Đồng tình với Huyền vì người khuyết tật cần được giúp đỡ và yêu thương.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (2-3')

- GV yêu cầu HS về nhà trao đổi cùng người thân lập kế hoạch giúp đỡ hoàn cảnh còn gặp khó khăn gần nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
SINH HOẠT DƯỚI CỜ CẤP TRƯỜNG

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

NIỀM TỰ HÀO CỦA EM (Tiết 14)**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Giới thiệu được đặc điểm, những việc làm đáng tự hào của bản thân.
- Hào hứng tích cực tham gia cuộc thi.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng;

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- GV mở cho học sinh nghe một video *Tìm kiếm tài năng nhí*.
<https://www.youtube.com/watch?v=ARBazganzfw>
- GV đặt câu hỏi: *Video đã gửi tới các em thông điệp gì?*
- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 25')**a. Sáng tạo những mảnh ghép kì diệu.**

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 4 – 6 HS:
- + GV nhắc HS chuẩn bị giấy, bìa màu, bút, bút màu, hồ dán,...
- + GV nêu nhiệm vụ: Các nhóm cùng sáng tạo tác phẩm *Những mảnh ghép diệu kì* thể hiện những đặc điểm đáng tự hào về bản thân của các thành viên trong nhóm cụ thể như sau:

- GV gợi ý các nhóm tạo các mảnh ghép theo ý thích như hình tròn, hình trái tim, hình cái cây, hình bông hoa, hình con thuyền,...
- Từng thành viên trong nhóm viết những đặc điểm đáng tự hào về bản thân lên mỗi mảnh ghép.
- Sau khi các thành viên viết xong, cả nhóm cùng trang trí tác phẩm *Những mảnh ghép diệu kì*.

- + Các nhóm tiến hành trao đổi và sáng tạo tác phẩm *Những mảnh ghép diệu kì*.

- GV hướng dẫn HS làm việc cả lớp:
- + GV tổ chức cho các nhóm chia sẻ và giới thiệu trước lớp tác phẩm *Những mảnh ghép diệu kì* theo các nội dung sau:

- Nêu ý tưởng sáng tạo tác phẩm *Những mảnh ghép diệu kì* của nhóm.
- Giới thiệu tên và những đặc điểm tự hào của các thành viên trong nhóm.
- Chia sẻ ý nghĩa tác phẩm *Những mảnh ghép diệu kì*.

- + GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp.



- + GV mời đại diện 1 – 2 nhóm nhận xét, về tác phẩm của nhóm bạn.
- + GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về tác phẩm ảnh ấn tượng nhất.
- GV tổng kết hoạt động và đưa ra kết luận: ***Ai cũng có những đặc điểm đáng tự hào về bản thân mình. Chúng ta có thể tự hào về tài năng của bản thân như bóng đá giỏi, hát hay, vẽ đẹp, biết làm ảo thuật,...hoặc những tính cách của bản thân như vui tính, hài hước, thân thiện, tốt bụng, dũng cảm,...Chúng ta hãy trân trọng đặc điểm đáng tự hào của bản thân và thể hiện sự yêu quý những đặc điểm đáng tự hào của các bạn.***

b. Thể hiện niềm tự hào của bản thân trước lớp.

- GV hướng dẫn HS lựa chọn một đặc điểm tự hào của bản thân. Ví dụ: ca hát, thổi sáo, làm ảo thuật, múa, vẽ tranh, làm thơ, diễn kịch,...
- GV tổ chức cho HS thể hiện niềm tự hào của bản thân trước lớp.
- GV tổ chức bình chọn phần trình diễn ấn tượng bằng cách giơ tay, sử dụng sticker, tặng sao,...
- GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc khi tham gia thể hiện niềm tự hào của em hoặc khi xem phần trình diễn của các bạn.



- GV tổng kết hoạt động và đưa ra kết luận: *Mỗi người đều có đặc điểm đáng tự hào về bản thân. Các em hãy phát huy đặc điểm đáng tự hào của mình nhé! Thể hiện niềm tự hào của bản thân trước lớp sẽ giúp các em tự tin hơn, đồng thời là động lực để các em tiếp tục phát triển bản thân trong tương lai.*

3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.
- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

SINH HOẠT THEO CHỦ ĐỀ: TRÒ CHƠI: CHUYẾN XE KÌ THÚ (Tiết 15)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Tổng kết được những việc đã làm được trong tuần vừa qua.
- Chia sẻ được sở thích, đặc điểm thú vị về bản thân mà có thể bạn bè chưa biết, khả năng đặc biệt của bản thân.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng;

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- HS vận động theo bài hát: Bài hát trồng cây

- HS trả lời câu hỏi do GV đặt ra:
- + Bài hát đã gửi tới các em thông điệp gì?
- GV nhận xét thi đua trong tuần.
- GV triển khai các công việc tuần mới.

2. Hoạt động luyện tập, thực hành: Sinh hoạt cuối tuần (23 – 25')

2.1. Đánh giá kết quả cuối tuần (Làm việc nhóm 2)

- GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.
- + Kết quả sinh hoạt nền nếp.
- + Kết quả học tập.
- + Kết quả hoạt động các phong trào.
- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tùy vào kết quả trong tuần)

2.2. Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4)

- GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.
- + Thực hiện nền nếp trong tuần.
- + Thi đua học tập tốt.
- + Thực hiện các hoạt động các phong trào.
- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.

2.3. Sinh hoạt theo chủ đề: Trò chơi: Chuyển xe kì thú

- GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm:
- + GV chia lớp thành các nhóm.
- + GV chuẩn bị cho mỗi nhóm: xúc xắc, các quân chơi và sơ đồ chơi trong SGK tr.18



- + GV giới thiệu cho HS trò chơi Chuyển xe kì thú và phổ biến luật chơi:
 - Từng bạn trong nhóm gieo xúc xắc và di chuyển số ô bằng số chấm trên xúc xắc.
 - Thực hiện yêu cầu trên ô tương ứng bằng hành động hoặc mô tả cụ thể.
 - Người về đích đầu tiên là người thắng cuộc.
- GV hướng dẫn làm việc cả lớp:
- + GV tổ chức các nhóm cùng chơi Chuyển xe kì thú.

- + GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc sau khi tham gia trò chơi.
- GV kết luận: ***Chúng ta đã thực hiện xong trò chơi Chuyển xe kì thú. Trò chơi giúp chúng ta có cơ hội và mạnh dạn thể hiện đặc điểm tự hào của bản thân.***

3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV yêu cầu học sinh hoàn thành bức thư theo nội dung đã chọn.
- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà chuẩn bị cho nội dung chủ đề sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

BGH kí duyệt**Tổ trưởng****Giáo viên****Lê Công Thắng****Nguyễn Thị Lan Anh****Lê Thị Phương Linh**

